

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày 25/11/2020
(V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Như Hoa, ông Phạm Quốc Trung
- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Thành Công - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST- DS, ngày 01 tháng 9 năm 2020, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55 /2020/QĐST ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà PTTN - sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 8, phường TB, Thành phố HB, tỉnh HB

Là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn:

- Ông PNQ – sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB

- Ông PNK – sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB

- Ông PNK – sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB

Bị đơn:

Bà NTG

Ông NVT

Địa chỉ: Tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB

- Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày: Bà NTP là mẹ đẻ của bà PTTN, ông PNQ, PNK1, PNK. Từ năm 1990 bà P và chồng là ông PNQ cùng các con đến sinh sống trên thửa đất 93 tờ bản đồ số 30, tại phường TH, thành phố HB, tỉnh HB. Từ năm 1990 đến nay gia đình bà P đều đóng thuế đầy đủ (có nộp theo các biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp). Từ năm 2008 đến năm 2010 bà P đã lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi tới Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố HB. Trong quá trình làm thủ tục đo đạc thẩm định, hộ giáp ranh là bà NTG không chịu ký giáp ranh vì cho rằng thửa đất số 93 là thuộc quyền sử dụng của gia đình bà G. Năm 2012 bà P mất, chồng bà P là ông PNQ mất năm 2013. Bà PTTN nhận sự ủy quyền của các đồng nguyên đơn khởi kiện Tòa án Thành phố HB, đề nghị Tòa án công nhận thửa đất số 93 các con của bà NTP đang sử dụng là hợp pháp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu gia đình bà NTG chấm dứt việc tranh chấp đất đai với các con của bà P.

Bị đơn: Bà NTG và ông NVT trình bày: Đầu năm 1990 bà NTP có đặt vấn đề nhường thửa đất gia đình bà G đang sử dụng trồng chuối cho gia đình bà P ở. Lúc đầu bà G không đồng ý. Một tuần sau đó bà P cho người đến phá vườn chuối và chuyển cả gia đình đến ở. Tuy lúc đầu gia đình bà G định không cho nhưng vì sau đó bà P có nói để gia đình bà P ở ổn định sau này sẽ tính toán sau. Thấy gia đình bà P khó khăn nên gia đình bà G cũng không đòi tiền đất nữa. Năm 2004 con trai bà P xây nhà, mở lối vào phần đất nhà bà G sử dụng làm ngõ đi nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Bà G, ông T cho rằng từ đó mới biết bị bà P lừa để chiếm đoạt gần 400m² đất thuộc quyền sử dụng của nhà bà G đã được chính quyền địa phương cấp từ năm 1983. Đơn xin đất làm nhà ngày 23/5/2003 của bà NTG xin cấp một mảnh đất khoảng 1.500m² đất và biên bản hòa giải ngày 06/4/2009, tại 02 văn bản này là chứng cứ của việc gia đình bà G đã được cấp lô đất thửa 93. Quan điểm của bà G và ông T trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không đòi nguyên đơn trả lại đất mà chỉ yêu cầu các con bà P để lại 1m ngang đất để mở rộng ngõ đi vào nhà bà G; đồng thời phải trả một khoản tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) hỗ trợ cho gia đình bà G đã có công khai phá thửa đất số 93, cải tạo trồng chuối bị bà P phá bỏ từ năm 1983.

Ngày 14/9/2020 Tòa án Thành phố HB đã tiến hành phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án. Bà G cho rằng hồ sơ xin cấp đất năm 2008 của bà P có hộ liên kê bà NTG ký tên nhưng bà G không được ký, do đó hồ sơ xin cấp đất của bà P lập không hợp pháp, bà G không yêu cầu giám định chữ ký.

Ngày 12/10/2020 Tòa án Thành phố HB tiến hành xem xét thẩm định và đo đạc địa chính đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30 tại tổ 6 phường TH xác định lô đất thửa 93 tờ bản đồ số 30 tại phường TH, thành phố HB, tỉnh HB có diện tích sử dụng thực tế là 385,7 m². Hiện tại các con bà NTP là ông PNK xây 01 căn nhà cấp 4, lợp mái tôn, PNK xây 01 căn nhà cấp 4, lợp mái tôn, ông PNQ xây 01 nhà mái bằng; Thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp tiếp giáp đường ngõ bê tông (đường liên thôn rộng 2,8m) hiện tại gia đình bà G và gia đình ông PNK, PNK1, PNQ sử dụng làm lối đi chung; Phía Tây giáp bà NTN; (phía Tây

Bắc giáp hộ bà NTT, hiện nay bà T đã chuyển nhượng đất cho bà N). Phía giáp ranh bà N đã xây tường rào gạch đỏ; Phía Nam tiếp giáp bệnh xá công an tỉnh HB, đã xây tường rào ngăn cách; Phía Bắc giáp ranh hộ bà NTG, gia đình bà G đã xây tường rào bằng gạch bavanh từ năm 2010.

Kết quả đo đạc địa chính xác định thửa đất 93 có tổng diện tích 385,7m² . Thông số các cạnh :

- Phía Đông giáp tiếp giáp đường ngõ bê tông: (3,06 + 5,26+ 6,04+ 3,64= 18 m)

-Phía Tây giáp hộ bà NTN có các thông số của cạnh gấp khúc: (6,31 +2,47+ 2,45 + 2,21 + 4,17)

- Phía Nam tiếp giáp bệnh xá công an tỉnh HB: có các thông số: (4,07 + 5,22 + 11,70)

- Phía Bắc giáp ranh hộ bà NTG có các thông số (1,17 + 22,31)

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ quan điểm đề nghị HĐXX công nhận quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và các đồng sở hữu đối với thửa đất số 93 tờ bản đồ số 30, tại tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm cho rằng thửa đất đang tranh chấp gia đình bị đơn đã được cấp năm 1983, nay các con của bà P muốn sử dụng phải trả công khai phá 50.000.000 đồng và để lại 01m ngang mở ngõ đi rộng 3,8m. Nếu phía nguyên đơn không đáp ứng sẽ đòi lại thửa đất hiện đang tranh chấp.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 26,35,39 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại điều 68 BLTTDS; Việc xác minh thu thập chứng cứ , giao nhận chứng cứ đúng quy định tại điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho các đương sự đúng quy định tại các điều 195,196 BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định tại điều 203 BLTTDS

Về thủ tục hòa giải và mở mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 205 đến 211 BLTTDS về việc hòa giải; Tòa án gửi hồ sơ cho VKS đảm bảo đúng quy định tại điều 220 BLTTDS.

HĐXX tuân theo đúng quy định của BLTTDS về chấp hành nguyên tắc xét xử, thực hiện đúng nội quy và trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70,71,72 BLTTDS

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề xuất: Áp dụng điều 221 BLDS 2015 điều 4,5,17 Luật Đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTTN; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/QH14 quy định về mức án phí, lệ phí. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà PTTN nhận sự ủy quyền của các ông PNQ, PNK, PNK1 theo hợp đồng ủy quyền số 180, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD-T ngày 13/3/2020 / Hợp đồng công chứng, thực hiện việc tham gia tố tụng và khởi kiện bà NTG và ông NVT, có địa chỉ cư trú tại phường TH, thành phố HB, tỉnh HB về việc tranh chấp đất đai. Căn cứ điều 26; điều 35, điều 39 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền sử dụng đất”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HB.

[2]. *Về phạm vi khởi kiện*: Bà PTTN nhận sự ủy quyền của các đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận bà N và các đồng nguyên đơn là con của bà NTP có quyền sử dụng đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, tại tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB

[3] *Về nội dung vụ án*: Sau khi xem xét đơn khởi kiện của bà PTTN Tòa án đã tiến hành hòa giải và tiến hành các thủ tục thẩm định xác minh đối với thửa đất đang tranh chấp.

Hội đồng xét xử căn cứ văn bản số 60/UBND-TNMT ngày 13/01/2020 về việc trả lời công dân có nội dung: *Theo hồ sơ địa chính năm 2001 tại phường TH thì thửa đất của gia đình bà N (đứng tên chủ sử dụng đất là bà NTP mẹ đẻ bà N) đã đăng kí đất đai là thửa số 93, tờ bản đồ số 30, diện tích 390,7 m² đất ở thuộc tổ 6, phường TH Thành phố HB, tỉnh HB. Còn hộ bà NTG đăng kí sử dụng đất là thửa số 58, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 776,0 m² đất ở. Trước đây hộ bà NTG đã được gia đình bà N kí mốc giới liền kề và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó mốc giới giữa hộ gia đình bà N và hộ bà G đã được xác định theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận của hộ bà G.*

Văn bản số 62/UBND-ĐC ngày 17/02/2020 v/v trả lời đơn đề nghị của công dân xác định: Theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại UBND phường hiện thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30 đã được thực hiện đo đạc đăng kí năm 2002, chủ sử dụng kê khai là bà NTP

Tại biên bản xác định mốc giới ngày 30/12/2008. UBND phường TH, thành phố HB đã tiến hành khảo sát xác nhận ranh giới thửa đất tại thực địa của bà NTP đang sử dụng tại tổ 15 phường TH, thành phố HB. Kết quả khảo sát nguồn gốc thửa đất do cha ông để lại; chủ sử dụng đất liền kề là bà NTG đã kí chủ sử dụng đất liền kề. UBND phường TH xác nhận :Trên thửa đất đã có 01 nhà ở cấp IV kết cấu mái bằng được xây dựng sau ngày 01/7/2006

Biên bản xác minh của Tòa án tại chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai Thành phố HB sau khi đối chiếu với sổ mục kê số 01, trang số 53, ngày cấp sổ: 20/7/2003, xác định tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, diện tích 390,7 m², loại đất T, đăng kí tên chủ sử dụng đất là bà NTP

Căn cứ phiếu thăm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có ghi: nguồn gốc đất sử dụng là gia đình bà NTP tự kê khai nguồn gốc đất Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, diện tích 390,7m² tại tổ 6, phường TH, thành phố HB, tỉnh HB do cha ông để lại từ năm 1990, được UBND phường TH xác nhận trong hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà

NTP từ tháng 12/2008; Các hộ liên kê: bà NTT, ông TBH, bà NTN, ông PVT là các hộ dân đã định cư lâu năm, đều có giấy xác nhận nguồn gốc thửa đất 93 trước khi gia đình bà P đến ở, khu đất là khu tập thể của công nhân SĐ, sau khi công nhân chuyển đi, gia đình bà P đến ở từ đó đến nay.

Tòa án nhân dân Thành phố HB tiến hành xác minh địa chính tại UBND phường TH, cán bộ địa chính phường TH cung cấp: Bà P mất từ năm 2012, chồng bà P là ông PNQ mất năm 2013. Hiện tại theo hồ sơ quản lý địa chính của UBND phường TH, thửa đất số 93, tờ bản đồ 30, diện tích 390,7 m² đất ở thuộc tổ 6, phường TH Thành phố HB, tỉnh HB quy chủ là bà NTP. Gia đình bà P đã thực hiện việc kê khai, đóng thuế sử dụng đất trong nhiều năm theo quy định của pháp luật.

Việc bà G cho rằng thửa đất đang tranh chấp gia đình bà đã được chính quyền địa phương cấp từ năm 1983 là hoàn toàn không có cơ sở. Vì năm 1983 bà G có làm đơn xin chính quyền xóm, xã cấp đất để làm nhà ở, đại diện tổ, xóm có phê duyệt trong đơn nội dung HTX xem còn chỗ đất nào thì cấp cho gia đình bà G. Nội dung văn bản là đơn xin cấp đất, không phải văn bản cấp đất của cơ quan chức năng; Ngày 29/5/2006 bà NTG và ông NVT đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 967949 thửa số 58 tờ bản đồ số 30 diện tích 777,6 m² tại tổ 15, phường TH, thành phố HB, không liên quan đến diện tích thửa đất số 93. Đối với biên bản hòa giải ngày 06/4/2009, Gia đình ông T và bà P thỏa thuận mở lối ngõ rộng 2,8m và có ghi ý kiến của bà P là thửa đất gia đình bà P đang sử dụng được gia đình bà G “cho không để làm nhà” đã xác định gia đình bà P có đủ điều kiện làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua việc thẩm định tòa án cũng đã kiểm tra xác minh lối ngõ gia đình bà G đi chung trên thửa đất số 93. Kết quả xác minh do chính quyền địa phương cung cấp: Năm 2009 đã thực hiện theo kế hoạch địa phương triển khai “nhà nước nhân dân cùng làm” đường ngõ đi chung, không phải ngõ đi riêng của bà G và ông T. Hiện tại ngõ đi từ phía ngoài vào thửa đất số 93 có đoạn rộng 2,5m. có đoạn rộng 2,8 m. Tại biên bản hòa giải giữa gia đình bà G và bà P ngày 6/4/2009 đã thỏa thuận để ngõ đi rộng 2,8m, sự thỏa thuận phù hợp với bề rộng của ngõ đi chung của xóm. Nay kết quả đo đạc thực tế thửa đất số 93 có diện tích 385,7 m²; đoạn ngõ đi qua thửa đất 93 phía tiếp giáp với ranh giới đất gia đình bà G có bề rộng 2,6m, còn thiếu 20 cm bề ngang trên đoạn 2 và nhỏ dần trên các đoạn 3,4,5 của bản đồ đạc chính lý bản đồ địa chính số 12-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 16/10/2020). Bà N và các đồng sở hữu chung trên thửa đất 93 nhất trí để lại 2,6 m² đất để làm lối đi chung.

Như vậy việc bà G, ông T đặt ra yêu cầu yêu cầu phía nguyên đơn là những người đang sử dụng thửa đất số 93 phải mở rộng lối ngõ thêm 01m và trả khoản tiền công khai phá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nếu không đáp ứng sẽ đòi lại thửa đất 93 hiện nay các con bà P đang sử dụng là hoàn toàn vô lý, không có cơ sở chấp nhận.

Từ các chứng cứ trên, xác định bà PTTN và các đồng nguyên đơn đang sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, do bà NTP đăng ký tên chủ sử dụng đất là hợp pháp. Bà N cùng các đồng sở hữu đủ điều kiện để liên hệ với cơ quan có

thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, trước đây do bà NTP đăng kí tên chủ sử dụng đất.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Bà NTN đã nộp chi phí tố tụng cho việc chi phí thẩm định và chi phí đo đạc là 3.400.000 đồng. Xét thấy bà N tự nguyện nộp chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà G, ông Trần nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26, điều 35, điều 39, điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, điều 169, 221 Bộ luật dân sự; điều 99, 100, 101 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi của bà PTTN và các đồng nguyên đơn: Ông PNQ, ông PNK, ông PNK1.

- Xác nhận bà PTTN và các đồng nguyên đơn sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, đăng kí chủ sử dụng đất tên bà NTP là hợp pháp.

- Bà PTTN và các đồng nguyên đơn đủ điều kiện để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30 tại tổ 06, phường TH, thành phố HB, diện tích sử dụng là 385,7 m². Theo bản đồ đặc chính lí bản đồ địa chính số 12-2020 của Văn phòng đăng kí đất đai ngày 16/10/2020 thửa đất có thông số các cạnh :

- Phía Đông tiếp giáp đường ngõ bê tông: (3,06 + 5,26+ 6,04+ 3,64= 18 m)

-Phía Tây giáp hộ bà NTN có các thông số của cạnh gấp khúc: (6,31 +2,47+ 2,45 + 2,21 + 4,17)

- Phía Nam tiếp giáp bệnh xá công an tỉnh HB : có các thông số: (4,07 + 5,22 + 11,70)

- Phía Bắc giáp ranh hộ bà NTG có các thông số (1,17 + 22,31)

Bà N và các đồng sở hữu chung trên thửa đất 93 nhất trí để lại 2,6 m² đất để làm lối đi chung. Cụ thể : 20 cm bề ngang trên đoạn 2 và nhỏ dần trên các đoạn 3,4,5 của bản đồ đặc chính lí bản đồ địa chính số 12-2020 của Văn phòng đăng kí đất đai ngày 16/10/2020).

2- Đối với khoản tiền chi phí tố tụng: bà PTTN tự nguyện nộp số tiền 3.400.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo đạc.

3-Về án phí: bà NTG, ông NVT phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Bà PTTN được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 000 6984 ngày 27/8/2020 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố HB.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSNDTP HB;
- Chi cục THADS TP HB;
- Các đương sự;
- UBND phường TH;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Mông Thị Dung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSNDTP Hòa Bình;
- Chi cục THADS TP Hòa Bình;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Mông Thị Dung

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/ DS-ST
Ngày /2020
(V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Như Hoa, ông Phạm Quốc Trung
- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thái Bình- thư kí Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình.
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Thành Công - *Kiểm sát viên* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình , tỉnh Hòa Bình

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2020, về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo

quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55 /2020/QĐST ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thành- sinh năm 1978

Địa chỉ: số nhà 10c, Tổ 8, phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bị Đơn:

Ông Nguyễn Văn Nam – sinh năm 1960

Bà Nguyễn Thị Đào- sinh năm 1972

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 17, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-ông Bùi Văn Tuấn

-Địa chỉ: số nhà 10c, Tổ 8, phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

- Bà Nguyễn Thị Loan

Địa chỉ: Tổ 17, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

- Văn phòng công chứng Đại Nam – cử đại diện bà Nguyễn Thị Thu Hương được cử đại diện tham gia tố tụng theo công văn số 12/VPCCĐN ngày 11/8/2020.
- Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa , phía nguyên đơn trình bày: Tháng 7/2016 gia đình bà Thành có mua một mảnh đất của gia đình ông Nguyễn Văn Nam.Hai bên làm một giấy chuyển nhượng đất viết tay ngày 22/7/2016 có nội dung: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Bùi Thị Thành có mua một mảnh đất 3.000 m² với số tiền 500.000.000 đ (năm trăm triệu đồng) của anh chị Nguyễn thị Đào ,anh Nguyễn Văn Nam cùng trú tại tổ 17-, phường Tân Hòa- Hòa Bình. Đã trả cho anh chị nam Đào là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) còn lại 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) hẹn hai tháng sau sẽ trả nốt anh chị và tính theo lãi suất ngân hàng tiền gửi . Bên anh Tuấn chị Thành có trách nhiệm san lấp mặt bằng cho anh chị Nam, Đào như ý để xây nhà. Nếu trong thời gian mua bán có tranh chấp hoặc có kiện cáo gì thì bên bán phải chịu trách nhiệm hoàn thành thủ tục đầy đủ cho bên mua. Nếu sai bên bán phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bên mua. Giấy được viết thành hai bản , mỗi bên giữ một bản.Bên bán . Bên bán là ông Nguyễn Văn Nam và bà vợ là Nguyễn Thị Đào kí tên. Bên mua là bà Bùi Thị Thành cùng ông Nguyễn Văn Tuấn kí tên.Trang bên có viết các mã giao nhận tiền trong các ngày : Ngày 27/9/2016 trả tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) , bà Nguyễn Thị Đào kí nhận; ngày 13/12/2016 trả tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) , bà Nguyễn Thị Đào kí nhận; Ngày 02/3/2017 trả tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) ,ông Nguyễn Văn nam kí nhận. Phía dưới

trang ghi tổng nợ còn lại 130.000.000đ đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Bao gồm 100m² đất ở là 90.000.000 đồng. Đất vườn còn 40.000.000 đ .

Hai bên đã làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Đại Nam, số 17, đường Cao Bá Quát , phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bà Thành đã thanh toán cho gia đình ông Nam 460.000.000 đồng (Bốn trăm , sáu mươi triệu đồng) . Số tiền còn lại 40.000.000 đồng hẹn lúc nào đo đạc và hoàn tất thủ tục sang bìa sẽ trả nốt.

Đến ngày ngày 19/8/ 2016 gia đình ông Nam lại bán thêm cho gia đình bà Thành 100m² đất ở với số tiền 90.000.000 đồng và tổng số tiền gia đình bà Thành còn nợ lại ông Nam là 130.000.000 đồng. Cùng ngày, hai bên có làm một văn bản viết tay thống nhất ranh giới thửa đất của hai hộ, nội dung: Tại thửa đất số 96 diện tích 3.360,1 m² tờ bản đồ số 43, gia đình ông Nam đã chuyển nhượng cho gia đình bà Bùi Thị Thành trên tổng diện tích theo số liệu ở trên nhà để lại một phần diện tích là 300 m² đất nhà ở với các kích thước cạnh như sau: mặt giáp đường đi vào là 10 m² và chiều sâu là 250 m² . Trong đó hai gia đình có để lại nhà chị thành là 3,8 m² , nhà anh Nam 02 m để làm đường đi chung Số liệu chung các bên cùng thống nhất và đã chia ranh giới . Bên bà Bùi Thị Thành và ông Nguyễn Văn Nam thỏa thuận với số tiền chuyển nhượng là 590.000.000 đ (năm trăm chín mươi triệu đồng) . Bà Thành đã trả cho ông Nam 460.000.000 đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) còn nợ lại 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) , hẹn khi nào anh Nam làm bìa đỏ thì bà Thành sẽ hoàn trả nốt số tiền trên. Mọi chi phí thủ tục sang bìa bên bà Thành chịu trách nhiệm. Biên bản lập 02 bản mỗi giữ một bản. . Bên bán là ông Nguyễn Văn Nam và bà vợ là Nguyễn Thị Đào kí tên. Bên mua là bà Bùi Thị Thành kí tên, có tổ trưởng tổ 17 là ông Nguyễn Văn Vi và ông Phan Kiên Cường là người vẽ đo làm chứng.

Trong lúc gia đình bà Thành tiến hành san lấp mặt bằng thửa đất thì gia đình ông Nam xảy ra cãi nhau xô sát với mẹ đẻ và anh trai ruột ông Nam là bà Nguyễn Thị Quê và ông Nguyễn Quang Trung với lí do ông Nam bán đất mà không nói với họ. Gia đình ông Nam đã gọi vợ chồng bà Thành lên báo bán nốt 300 m² đất nhà ở để sang bên nhà ngoại với giá tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà Thành đồng ý. Ngày 13/9/2016 bà Thành đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng , ngày 14/9/2016 bà Thành yêu cầu công chứng viên phòng Công chứng Đại Nam đến tận nơi để làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lần hai để thay thế hợp đồng công chứng lần thứ nhất. Hai bên thực hiện kí kết lần hai là hợp đồng công chứng số 336/2016 , quyển số 02/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/9/2016 với nội dung: Bên chuyển nhượng (bên A) , bên nhận chuyển nhượng (bên B) hai bên đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận : bên A chuyển nhượng cho bên B thửa đất số 96 tờ bản đồ số 43 , địa chỉ tổ 17, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; có diện tích 3.360.10 m² , trong đó có 400 m² đất ở; 2.960,10 m² đất vườn trồng cây lâu năm; Tài sản gắn liền với đất : Diện tích xây dựng 100,0 m² ; Diện tích sân 100,0 m²; Cấp nhà : cấp 4, 01 tầng . Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng)

Đối với số tiền 130.000.000 đ(một trăm ba mươi triệu đồng) hai bên thống nhất khi nào hoàn tất thủ tục sẽ trả nốt. Sau khi làm xong hợp đồng cả hai bên gia đình đến phòng một cửa của phòng Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục sang tên thì hồ sơ bị trả lại do bà Nguyễn Thị Quê đang có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Nam. Gia đình ông Nam có hứa hẹn để giải quyết xong với bà Quê sẽ tiếp tục làm thủ tục sang tên bìa cho bà Thành. Cũng vì còn nợ số tiền 130.000.000 đ(một trăm ba mươi triệu đồng) nên bà Thành tin tưởng đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn Nam cho ông Nam đem về giải quyết với gia đình.

Ngày 27/12/2017 bà Thành biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định đình chỉ vụ án bà Nguyễn Thị Quê khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Văn Nam. Gia đình bà Thành vì có nhu cầu xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh nên đã cho san lấp, xây dựng nhà xưởng trên thửa đất và cũng trong thời gian nhiều năm qua gia đình bà Thành đã nhiều lần đề nghị gia đình ông Nam cùng tiến hành làm thủ tục sang tên chuyển nhượng nhà đất nhưng phía ông Nam cứ khất nhiều lần và thể hiện thái độ không hợp tác.

Ngày 3/7/2020 bà Thành làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình yêu cầu ông Nguyễn Văn Nam và bà Nguyễn Thị Đào cùng con là Nguyễn Thị Loan thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản mà hai bên đã ký kết tại hợp đồng công chứng số 336/2016 , quyền số 02/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/9/2016

Bi đơn: Ông Nguyễn Văn Nam và bà Nguyễn Thị Đào trình bày: Ngày 21/7/2016 gia đình ông Nam, bà Đào đã bán 2960,1 m² đất vườn cho gia đình Thành tại thửa đất số 96 tờ bản đồ số 43 có diện tích 3.360,10 m² , tại tổ 17-, phường Tân Hòa- thành phố Hòa Bình. Hai bên đã lập hợp đồng công chứng số 69 /2016, quyền số 02/HĐCN-CCĐN ngày 21/7/2016. Trong thời gian chưa làm thủ tục sang tên , gia đình bà Thành đã tự ý cho san lấp mặt bằng và phá nhà ở của ông Nam bà Đào. Sau đó xảy ra việc ông Nguyễn Quang Trung là anh trai ruột ông Nam có tranh chấp thửa đất với ông Nam nên đã xô xát đánh nhau. Thấy vậy bà Thành nói với ông Nam , bà Đào là giả vờ bán hết thửa đất để hợp thức hóa giấy tờ cho bà Thành làm xưởng và cho thuê xưởng . Bà Thành đã đưa người của Văn phòng công chứng Đại Nam đến tại lều lán nhà bà Đào, ông Nam để làm thủ tục chuyển nhượng.

Ông Nguyễn Văn Nam và bà Nguyễn Thị Đào khẳng định chỉ bán 2960,1 m² đất vườn cho gia đình Thành tại thửa đất số 96 tờ bản đồ số 43 cho bà Thành , số diện tích còn lại thực tế ông Nam , bà Đào đã xây nhà ở sau khi bà Thành cho san lấp mặt bằng thửa đất. Vì khi thiết lập thủ tục mua bán hai bên còn lập một giấy viết tay xác định ranh giới có trưởng thôn và cán bộ địa chính ký làm chứng; Ngày 19/7/2017 bà Thành có đưa ông Nam bà Đào đến Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình để rút đơn kiện giữa gia đình ông Nam với gia đình ông Trung sau đó mua luôn thửa đất lâm nghiệp 0,6 ha và một số đất ruộng khác của

gia đình ông Nam. Ngày 26/9/2016, bà Thành đã viết đơn đã viết giấy thỏa thuận khi nào sang tên được bìa sẽ trả cho gia đình ông Nam 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng). Đến nay đã làm xong việc chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất lâm nghiệp nhưng bà Thành chưa trả tiền đã cho san lấp, làm xưởng kiên cố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Loan, là con gái riêng của bà Đào cũng có lời khai tại Tòa án về việc gia đình ông Nam , bà Đào, bà Đào chỉ bán bán 2960,1 m² đất vườn cho gia đình Thành tại thửa đất số 96 tờ bản đồ số 43. Trong thời gian chưa làm thủ tục sang tên , gia đình bà Thành đã tự ý cho san lấp mặt bằng, phá dỡ nhà ở của ông Nam bà Đào. Bà Loan đã nghe theo bố mẹ cùng kí vào giấy tờ mua bán đất với bà Thành.

Gia đình ông Nam chỉ đồng ý chuyển nhượng số diện tích 2960,1 m² đất vườn mà hai bên đã tiến hành làm Hợp đồng công chứng lần thứ nhất. Ông Nam, bà Đào, bà Loan đều khẳng định việc kí kết giấy tờ thủ tục chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 96 là do quá tin tưởng vào bà Thành, thấy bà Thành nói sao nghe vậy nên đã kí giấy tờ, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho gia đình bà Thành san lấp, xây dựng làm xưởng . Vì vậy việc kí kết Hợp đồng công chứng lần thứ hai chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất 96 là giả tạo.

Văn phòng công chứng Đại Nam có ý kiến như sau: Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Văn Nam cùng vợ Nguyễn Thị Đào , cùng con gái là Nguyễn Thị Loan và bà Bùi Thị Thành hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện giữa các bên. Ngày 21/7/2016 Gia đình ông Nguyễn Văn Nam cùng vợ và con gái thỏa thuận chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất có diện tích 2960,10 m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 43 tại tổ 17-, phường Tân Hòa- thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình . Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện , các bên cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của hai bên). Xét thấy việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện , đúng pháp luật. Văn phòng công chứng đã thực hiện hợp đồng công chứng số : 96/2016, quyền số 02/HĐCN-CCĐN, chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất giữa giữa bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Văn Nam, bà Nguyễn Thị Đào, bà Nguyễn Thị Loan với bên nhận chuyển nhượng là bà Bùi Thị Thành. Ngày 30/7/2016, gia đình ông Nguyễn Văn Nam và bà Bùi Thị Thành có thỏa thuận hủy bỏ nội dung hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất số 96/2016 quyền số 02/HĐCN-CCĐN để thỏa thuận lại. Văn phòng công chứng Đại Nam thực hiện chứng nhận thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Văn bản công chứng số 131/2016, quyền số 02/TP/CC- SCC/HĐGD.

Ngày 14/9/2016 , gia đình ông Nguyễn Văn Nam cùng vợ và con gái thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Nam cho bà Bùi Thị Thành. Thỏa thuận được Văn phòng công chứng Đại Nam chứng nhận . Văn bản công chứng số 336/2016 quyền số 02/TP/CC- SCC/HĐGD. Văn phòng công chứng đã thực hiện chứng nhận đúng theo ý chí thống nhất của các bên và tuân theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8 /2020 , Tòa án Thành phố Hòa Bình đã tiến hành phiên họp về việc kiểm tra giao nộp , tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án. Phía nguyên đơn không nhất trí với bản sao Giấy thỏa thuận do phía bị đơn cung cấp đã bị sửa từ năm 2016 thành 2017, yêu cầu bị đơn nộp bản gốc để đối chiếu; Phía bị đơn và bà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận có kí kết Hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 14/9/2016; Tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2020, phía bị đơn cho rằng không được biết và không được kí vào Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/7/2016 ; Xác nhận có kí biên bản thống nhất ranh giới thửa đất giữa 02 hộ gia đình nhưng ngày lập biên bản là ngày 19/11/2017. Phía bị đơn cho rằng bản gốc do nguyên đơn giữ, bị đơn không được nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu bà Thành phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Phía bị đơn nộp hồ sơ xin phép xây dựng nhà để chứng minh thời điểm xây nhà năm 2016 và việc xây dựng là hợp pháp

Ngày 08/8/2020 ông Nguyễn Văn Nam có đơn đề nghị gửi Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đề nghị được rút lại việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đào ngày 27/2/2020 ủy quyền về giao dịch thửa đất số 96, tờ bản đồ số 43.

Ngày 9/9/2020 ông Nguyễn Văn Nam và bà Nguyễn Thị Đào làm “ Đơn phản tố”. Nội dung đơn: Kháng định chỉ đồng ý chuyển nhượng số diện tích 2.960,1 m² đất vườn mà hai bên đã tiến hành làm Hợp đồng công chứng ngày 21/7/2016. Hợp đồng công chứng lần 2 thỏa thuận mua bán hết diện tích thửa đất số 96, tờ bản đồ số 43 là bị lừa đảo, vì thực tế ông Nam , bà Đào còn bỏ tiền xây nhà trên mảnh đất với diện tích 300 m². Tại thời điểm nhà đã xây kiên cố thì bà Thành có mời trưởng thôn và cán bộ địa chính đến để đo đạc và làm biên bản xác định mốc giới, chứng minh thời gian lập biên bản đúng là năm 2017; Đề nghị xem xét ý kiến của đại diện Văn phòng công chứng Đại nam cho rằng bản hợp đồng công chứng lần một đã hết hiệu lực từ ngày 30/7/2016 thì tại sao gia đình bà Thành vẫn cho san ủi , phá cây , phá nhà của ông Nam bà Đào và đến ngày 14/9/2016 mới đưa người của công chứng về lều lán nhà ông Nam để lừa đảo thực hiện hợp thức hóa thủ tục chuyển nhượng hết diện tích thửa đất. Đồng thời cùng với việc giữa gia đình ông Nam, bà Đào trước đây đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với một thửa đất Lâm nghiệp khác có diện tích 0,6ha, đã sang tên bà Bùi Thị Thành nhưng đến nay bà Thành chưa trả số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), do thửa đất này liền kề với thửa đất số

96, tờ bản đồ số 43 đang tranh chấp. Vì vậy yêu cầu bà Thành trả số tiền trên và đề nghị Tòa án chuyển cơ quan điều tra làm rõ hành vi lừa đảo của bà Thành.

Ngày 30/10/2020 ông Nguyễn Văn Nam làm đơn phản đối không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ việc vì cho rằng sau khi thực hiện việc chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Đại Nam thì xảy ra tranh chấp giữa ông Nam với mẹ là bà Nguyễn Thị Quê, nên đến nay việc chuyển nhượng giữa gia đình ông Nam và bà Thành chưa thành. Việc bà Thành tự xây dựng công trình trên thửa đất đang tranh chấp, chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền là hoàn toàn trái pháp luật. Do đó việc bà Thành khởi kiện tại Tòa án việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 43 diện tích 3.360,10 m², tại tổ 17-, phường Tân Hòa- thành phố Hòa Bình là không có cơ sở.

Ngày 12/11/2020 ông Nguyễn Văn Nam có đơn đề nghị Tòa án triệu tập những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ham gia tố tụng, gồm:

- Bà Nguyễn Thị Quê – sinh năm 1935
Nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Là mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Quang Trung- sinh năm 1958
Nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Là anh trai ruột của ông Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Văn Thắng - sinh năm 1964
Nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Là em trai ruột của ông Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Quang Lợi - sinh năm 1965
Nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Là em trai ruột của ông Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Văn Thống - sinh năm 1968
Nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Là em trai ruột của ông Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Văn Nhất - sinh năm 1973
Nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Là em trai ruột của ông Nguyễn Văn Nam.

Ngày 04/9/2020 Tòa án Thành phố Hòa Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc địa chính đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ số 43 tại tổ 7 phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình với sự có mặt đầy đủ các đương sự và đại diện chính quyền địa phương. Hai bên đương sự đều xác định trước khi gia đình bà Thành san ủi mặt bằng thì thửa đất số 96 có khoảng 2.000 m² làm ao thả cá, (trong bản trích đo không thể hiện đất ao); 400 m² đất nhà ở, diện tích còn lại là đất vườn trồng cây. Thửa đất đang tranh chấp giáp ranh với các thửa đất:

Hiện tại trên thửa đất số 96 gia đình bà Thành đã cho san ủi bằng phẳng và xây dựng 01 căn nhà cấp 04 diện tích sàn 200 m², xây tường 20, lợp mái tôn lạnh; 01 nhà xưởng 300 m² tường xây 20, lợp tôn lạnh, nền lát gạch hoa; 01 nhà xưởng 1.800 m² xây tường bao quanh cao 03 m, 50 cột sắt, mái tôn, nền đổ bê tông; có 01 nhà xây 02 tầng kiên cố diện tích 120 m²; có 01 sân bê tông diện tích

500 m²; Có 03 cây sấu khoảng 04 năm tuổi. Toàn bộ số tài sản nằm trên phần diện tích 2.960,1 m² mà hai bên thiết lập hợp đồng công chứng chuyển nhượng lần đầu. Ông Tuấn bà Thành không yêu cầu Tòa án định giá đối với các tài sản trên vì gia đình bà Thành sẽ tự chịu trách nhiệm tháo dỡ các tài sản nếu buộc phải trả lại đất cho gia đình ông Nam.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 26,35,39 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại điều 68 BLTTDS; Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho các đương sự đúng quy định tại các điều 195,196 BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định tại điều 203 BLTTDS

Về thủ tục hòa giải và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 205 đến 211 BLTTDS về việc hòa giải; Tòa án gửi hồ sơ cho VKS đảm bảo đúng quy định tại điều 220 BLTTDS.

HĐXX tuân theo đúng quy định của BLTTDS về chấp hành nguyên tắc xét xử, thực hiện đúng nội quy và trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70,71,72 BLTTDS

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề xuất: Áp dụng điều 221 BLDS 2015 điều 4,5,17 Luật Đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh Nga; Áp dụng Nghị quyết 326/ 2016/ QH 14 quy định về mức án phí, lệ phí. Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Phạm Thị Thanh Nga nhận sự ủy quyền của các ông Phạm Ngọc Quế, phạm Ngọc Khanh, Phạm Ngọc Khánh theo hợp đồng ủy quyền số 180, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD-T ngày 13/3/2020 / Hợp đồng công chứng, thực hiện việc tham gia tố tụng và khởi kiện bà Nguyễn Thị Giới và ông Nguyễn Văn Trện, có địa chỉ cư trú tại phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình về việc tranh chấp đất đai. Căn cứ điều 26; điều 35, điều 39 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền sử dụng đất”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

[2]. *Về phạm vi khởi kiện*: Bà Phạm Thị Thanh Nga nhận sự ủy quyền của các đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận bà Nga và các đồng nguyên

đơn là con của bà Nguyễn Thị Phi có quyền sử dụng đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, tại tổ 6, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

[3] Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh Nga Tòa án đã tiến hành hòa giải và tiến hành các thủ tục thẩm định xác minh đối với thửa đất đang tranh chấp.

Hội đồng xét xử căn cứ văn bản số 60/UBND-TNMT ngày 13/01/2020 về việc trả lời công dân có nội dung: Theo hồ sơ địa chính năm 2001 tại phường Tân Hòa thì thửa đất của gia đình bà Nga (đứng tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Phi mẹ đẻ bà Nga) đã đăng ký đất đai là thửa số 93, tờ bản đồ 30, diện tích 390,7 m² đất ở thuộc tổ 6, phường Tân Hòa Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Còn hộ bà Nguyễn Thị Giới đăng ký sử dụng đất là thửa số 58, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 776,0 m² đất ở. Trước đây hộ bà Nguyễn Thị Giới đã được gia đình bà Nga ký mốc giới liền kề và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó mốc giới giữa hộ gia đình bà Nga và hộ bà Giới đã được xác định theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận của hộ bà Giới.

Văn bản số 62/UBND-ĐC ngày 17/02/2020 v/v trả lời đơn đề nghị của công dân xác định: Theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại UBND phường hiện thửa đất số 93, tờ bản đồ 30 đã được thực hiện đo đạc đăng ký năm 2002, chủ sử dụng kê khai là bà Nguyễn Thị Phi

Tại biên bản xác định mốc giới ngày 30/12/2008. UBND phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình đã tiến hành khảo sát xác nhận ranh giới thửa đất tại thực địa của bà Nguyễn Thị Giới đang sử dụng tại tổ 15 phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình. Kết quả khảo sát nguồn gốc thửa đất do cha ông để lại; chủ sử dụng đất liền kề là bà Nguyễn Thị Giới đã ký chủ sử dụng đất liền kề. UBND phường Tân Hòa xác nhận: Trên thửa đất đã có 01 nhà ở cấp IV kết cấu mái bằng được xây dựng sau ngày 01/7/2006

Biên bản xác minh của Tòa án tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hòa Bình sau khi đối chiếu với sổ mục kê số 01, trang số 53, ngày cấp sổ: 20/7/2003, xác định tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, diện tích 390,7 m², loại đất T, đăng ký tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Phi

Căn cứ phiếu thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có ghi: nguồn gốc đất sử dụng là gia đình bà Nguyễn Thị Phi tự kê khai nguồn gốc đất Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, diện tích 390,7m² tại tổ 6, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình do cha ông để lại từ năm 1990, được UBND phường Tân Hòa xác nhận trong hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Phi từ tháng 12/2008; Các hộ liền kề: bà Ngô Thị Tuyền, ông Trần Bá Hạnh, bà Nguyễn Thị Nữ, ông Phạm Văn Thuân là các hộ dân đã định cư lâu năm, đều có giấy xác nhận nguồn gốc thửa đất 93 trước khi gia đình bà Phi đến ở, khu đất là khu tập thể của công nhân Sông Đà, sau khi công nhân chuyển đi, gia đình bà Phi đến ở từ đó đến nay.

Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình tiến hành xác minh địa chính tại UBND phường Tân Hòa, cán bộ địa chính phường Tân Hòa cung cấp: Bà Phi mất từ năm 2012, chồng bà Phi là ông Phạm Ngọc Quyết mất năm 2013. Hiện tại theo hồ sơ quản lý địa chính của UBND phường Tân Hòa, thửa đất số 93, tờ bản đồ 30, diện tích 390,7 m² đất ở thuộc tổ 6, phường Tân Hòa Thành phố Hòa Bình,

tỉnh Hòa bình quy chủ là bà Nguyễn Thị Phi. Gia đình bà Phi đã thực hiện việc kê khai, đóng thuế sử dụng đất trong nhiều năm theo quy định của pháp luật. Việc bà Giới cho rằng thửa đất đang tranh chấp gia đình bà đã được chính quyền địa phương cấp từ năm 1983 là hoàn toàn không có cơ sở. Vì năm 1983 bà Giới có làm đơn xin chính quyền xóm, xã cấp đất để làm nhà ở, đại diện tổ, xóm có phê duyệt trong đơn nội dung HTX xem còn chỗ đất nào thì cấm cho gia đình bà Giới. Nội dung văn bản là đơn xin cấp đất, không phải văn bản cấp đất của cơ quan chức năng; Ngày 29/5/2006 bà Nguyễn Thị Giới và ông Nguyễn Văn Trận đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 967949 thửa số 58 tờ bản đồ số 30 diện tích 777,6 m² tại tổ 15, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, không liên quan đến diện tích thửa đất số 93. Đối với biên bản hòa giải ngày 06/4/2009, Gia đình ông Trận và bà Phi thỏa thuận mở lối ngõ rộng 2,8m và có ghi ý kiến của bà Phi là thửa đất gia đình bà Phi đang sử dụng được gia đình bà Giới “cho không để làm nhà” đã xác định gia đình bà Phi có đủ điều kiện làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua việc thẩm định tòa án cũng đã kiểm tra xác minh lối ngõ gia đình bà Giới đi chung trên thửa đất số 93. Kết quả xác minh do chính quyền địa phương cung cấp: Năm 2009 đã thực hiện theo kế hoạch địa phương triển khai “nhà nước nhân dân cùng làm” đường ngõ đi chung, không phải ngõ đi riêng của bà Giới và ông Trận. Hiện tại ngõ đi từ phía ngoài vào thửa đất số 93 có đoạn rộng 2,5m. có đoạn rộng 2,8 m. Tại biên bản hòa giải giữa gia đình bà Giới và bà Phi ngày 6/4/2009 đã thỏa thuận để ngõ đi rộng 2,8m, sự thỏa thuận phù hợp với bề rộng của ngõ đi chung của xóm. Nay kết quả đo đạc thực tế thửa đất số 93 có diện tích 385,7 m²; đoạn ngõ đi qua thửa đất 93 phía tiếp giáp với ranh giới đất gia đình bà Giới có bề rộng 2,6m, (thiếu 0,20 cm bề ngang) các đồng sở hữu chung trên thửa đất 93 cần để lại 2,6 m² đất để làm lối đi chung (theo bản đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 12-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 16/10/2020)

Như vậy việc bà Giới, ông Trận đặt ra yêu cầu yêu cầu phía nguyên đơn là những người đang sử dụng thửa đất số 93 phải mở rộng lối ngõ thêm 01m và trả khoản tiền công khai phá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nếu không đáp ứng sẽ đòi lại thửa đất 93 hiện nay các con bà Phi đang sử dụng là hoàn toàn vô lý, không có cơ sở chấp nhận.

Từ các chứng cứ trên, xác định bà Phạm Thị Thanh Nga và các đồng nguyên đơn đang sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, do bà Nguyễn Thị Phi đăng ký tên chủ sử dụng đất là hợp pháp. Bà Nga cùng các đồng sở hữu đủ điều kiện để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, trước đây do bà Nguyễn Thị Phi đăng ký tên chủ sử dụng đất.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Nga đã nộp chi phí tố tụng cho việc chi phí thẩm định và chi phí đo đạc là 3.400.000 đồng. Xét thấy bà Nga tự nguyện nộp chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Giới, ông Trận nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 26, điều 35, điều 39, điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ điều 164, điều 169, 221 Bộ luật dân sự; điều 99, 100, 101 Luật đất đai
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi của bà Phạm Thị Thanh Nga và các đồng nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Quế, ông Phạm Ngọc Khanh, ông Phạm Ngọc Khánh.

- Xác nhận bà Phạm Thị Thanh Nga và các đồng nguyên đơn sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, đăng kí chủ sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị Phi là hợp pháp.

- Bà Phạm Thị Thanh Nga và các đồng nguyên đơn đủ điều kiện để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30 tại tổ 15, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, diện tích sử dụng là 385,7 m² - 2,6 m² đất lối ngõ đi, theo bản đồ đặc chính lí bản đồ địa chính số 12-2020 của Văn phòng đăng kí đất đai ngày 16/10/2020.

2-Đối với khoản tiền chi phí tố tụng: bà Phạm Thị Thanh Nga tự nguyện nộp số tiền 3.400.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo đạc.

3-Về án phí : bà Nguyễn Thị Giới, ông Nguyễn Văn Trộn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Bà Phạm Thị Thanh Nga được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300. 000 đồng theo biên lai số 000 6984 ngày 27/8/2020 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

XÉT XỬ

-TAND tỉnh Hòa Bình.

- **chủ**

tọa

phiên

Thẩm phán

tòa

- VKSNDTP

Hòa

Bình.

-Chi cục

THADS

TP

Hòa

Bình

-Các

đương

sự.

-UBND xã Mông Hóa

-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2020/ DS-ST
Ngày /2020
(*V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thái Bình
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:* bà
- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình*

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình ,
tỉnh Hòa Bình

Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc “Kiện đòi nợ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53 /2020/QĐST ngày 09 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt nam(BIDV)

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm , Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- trưởng phòng khách hàng cá nhân chi nhánh ngân hàng tại Hòa Bình

Địa chỉ: Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Bị Đơn:

Bà Vũ Thị Thu Hương

Địa chỉ: Tổ 14, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Ông Hoàng Anh Dũng- sinh năm 1993

- ông Hoàng Tùng Long- sinh năm 1992

Đều có địa chỉ: Tổ 14, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 5/6/2020 và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa , phía nguyên đơn là ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh Hòa Bình , do bà Nguyễn Thị Thu Hương đại diện , trình bày: Năm 2017 ông Hoàng Văn Sơn là chồng của bà Vũ Thị Thu Hương, có vay vốn tại ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC ngày 17/01/2017, số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) . Mục đích vay : tiêu dung.; Nguồn trả nợ: từ lương do nhà máy thủy điện Hòa Bình(là đơn vị ông Sơn công tác) chi trả .

Đến tháng 9 năm 2017 ông Hoàng Văn Sơn chết (do ốm). Vì trường hợp chết của ông Sơn là trường hợp bị loại trừ không thuộc danh mục nguyên nhân chết được bảo hiểm, do đó khoản nợ vay của ông Sơn là những người có quyền lợi và nghĩa vụ với ông Sơn là bà Hương và ông Long, ông Dũng phải chịu trách nhiệm.

Tuy nhiên sau khi ông Sơn chết , Ngân hàng đã ra nhiều thông báo, làm việc với bà Vũ Thị Thu Hương, bà Hương đã xác nhận khoản nợ do ông Sơn để lại và cam kết chịu trách nhiệm trả nợ nhưng cho đến nay bà Hương vẫn không chịu trả nợ cho Ngân hàng . Ngân hàng BIDV khởi kiện tại Tòa án Thành phố Hòa Bình yêu cầu bị đơn cùng những người liên quan có trách nhiệm thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi tính đến ngày trả đủ nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Trong đơn khởi kiện, ngân hàng yêu cầu số tiền tạm tính đến hết ngày 31/5/2020 tổng nợ phải trả là 60.108.921đ. Trong đó nợ gốc: 41.367.037đ; Nợ lãi: 18.741.884đ.

Kèm theo đơn khởi kiện, phía Ngân hàng cung cấp bản hợp đồng cấp hạn mức thấu chi được ký kết giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hòa Bình với ông Hoàng Văn Sơn ngày 17/01/2017; Các thông báo nợ của Ngân hàng và các biên bản làm việc của Ngân hàng với bà Vũ Thị Thu Hương; Cùng với các giấy tờ chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bị đơn.

Bị đơn bà Vũ Thị Thu Hương cùng các con của ông Sơn và bà Hương là ông Hoàng Anh Dũng, ông Hoàng Tùng Long đã được Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình triệu tập đến trụ sở làm việc vào các ngày: 7/8/2020; ngày 23/9/2020 nhưng bà Vũ Thị Thu Hương, ông Hoàng Anh Dũng, ông Hoàng Tùng Long đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà Hương và ông Dũng, ông Long cư trú, tổ trưởng tổ 17, phường Phương Lâm Thành phố Hòa bình cung cấp thông tin: Bà Vũ Thị Hương cùng các con Long, Dũng đi làm ăn xa nghe nói ở Hà Nội, ít khi có mặt ở nhà. Bà Nguyễn Thị Huyền là mẹ chồng bà Hương mới chuyển đến sống tại nhà số 47 đường Trần Quang Khải, thành phố Hòa Bình, nhưng bà Huyền không chịu nhận thay loại văn bản giấy tờ gì Tòa án gửi cho chị Hương và các con, cũng như không chịu ký bất kỳ loại văn bản gì.

Tòa án nhân dân Thành Phố Hòa Bình đã thực hiện niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Ngày 09/10/2020 Tòa án Thành phố Hòa Bình ra Quyết định số 53/2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử hồi 8 giờ ngày 26/10/2020. Sau khi niêm yết Quyết định xét xử, bà Vũ Thu Hương, ông Long, ông Dũng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ I; Tòa án tiến hành thực hiện niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử. Vì vậy ngày 25/11/2020 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với vụ án là cần thiết và đúng quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu Hương – đại diện của Ngân hàng có bổ sung về phần lãi suất tính đến ngày 25/11/2020 (ngày xét xử sơ thẩm):

Dư nợ gốc: 41.367.037,đ

Dư nợ lãi: 18.134.553,đ

Phí trả chậm: 7.396.814,đ

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 66.898.404,đ

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Cụ thể: Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại các điều 30,35,39 BLTTDS. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại điều 68 BLTTDS: Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và các đương

sự đúng quy định tại điều 195,196 BLTTDS; Quá trình giải quyết vụ án thực hiện tương đối đầy đủ , về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của BLTTDS Tuy nhiên là do nguyên nhân khách quan của việc sát nhập đơn vị hành chính.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư kí phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án
- - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án , kể từ khi thụ lí cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71,72 BLTTDS

Kiểm sát viên đề nghị HĐXX :- Áp dụng điều 306 Luật Thương mại năm 2005, điều 472,473,474.481.482, 688 BLDS năm 2015

Điều 30,35,39,147,157,158 BLTTDS và Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc

- Đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

-

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:*Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 17/01/2017, ông Hoàng Văn Sơn là chồng của bà Vũ Thị Thu Hương, có vay vốn tại ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC, số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) . Mục đích vay : tiêu dung.; Nguồn trả nợ: từ lương do nhà máy thủy điện Hòa Bình(là đơn vị ông Sơn công tác) chi trả .

Đến tháng 9 năm 2017 ông Hoàng Văn Sơn chết (do ốm). Căn cứ Quy tắc bảo hiểm người vay vốn theo hạn mức ,vì trường hợp chết của ông Sơn là trường hợp bị loại trừ không thuộc danh mục nguyên nhân chết được bảo hiểm do đó khoản nợ vay của ông Sơn là những người có quyền lợi và nghĩa vụ với ông Sơn là bà Hương và ông Long, ông Dũng là vợ và các con của ông Sơn có địa chỉ tại : Tổ 14, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình phải chịu trách nhiệm. Việc khởi kiện của Ngân hàng BIDV là đúng pháp luật .Căn cứ khoản 3 điều 26; điều 35, điều 39 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo điều 463 Bộ luật dân sự.

[2]. *Về phạm vi khởi kiện:*Ngân hàng BIDV khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị Thu Hương cùng ông Hoàng Anh Dũng, ông Hoàng Tùng Long là vợ

và các con của ông Hoàng Văn Sơn trả số tiền nợ gốc và lãi do ông Sơn đã vay ngân hàng tại hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC.

[3] Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét đơn khởi kiện của Ngân hàng BIDV, Căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi được lập ngày 17/01/2017 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam- chi nhánh Hòa Bình với bên vay là: ông Hoàng Văn Sơn, công tác tại phân xưởng vận hành – Công ty Thủy điện hòa Bình. Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi với số tiền tối đa là 50.000.000 đồng ; Mục đích sử dụng thấu chi: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân bên vay và gia đình. Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi có quy định tại mục 5 : chấm dứt hạn mức thấu chi trong trường hợp: j) Bên vay qua đời, mất tích hoặc không liên lạc được từ 02 tháng trở lên;

Sau khi ông Sơn chết, Ngân hàng đã thực hiện việc ra các thông báo về khoản tiền nợ gốc, lãi nợ, nợ quá hạn đến bà Vũ thị Thu Hương. Ngày 15/05/2019 bà Vũ Thị Thu Hương cũng đã ký kết biên bản làm việc tại Ngân hàng xác nhận khoản nợ của ông Sơn và xin Ngân hàng tạo điều kiện cho bà Hương trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng , bắt đầu từ tháng 5/2019.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với việc thanh toán chế độ đối với ông Hoàng Văn Sơn. Tại công văn số 930/ TĐHB-TCKT ngày 01/9/2020 của Công ty Thủy điện Hòa Bình, Tập đoàn điện lực Việt nam đã cung cấp thông tin: Ông Hoàng Văn Sơn là công nhân phân xưởng Thủy công đã chết và tháng 9/2017. Công ty đã lập các tài liệu gồm phiếu chi và các quyết định về chế độ trợ cấp và hỗ trợ cho người lao động chết, hợp đồng lao động chấm dứt đối với ông Hoàng Văn Sơn tổng số tiền 91.498.000 đ(Chín mươi một triệu , bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) và trên toàn bộ chứng từ có chữ ký xác nhận (ghi rõ họ tên) đã nhận đầy đủ số tiền chi trả chế độ là bà Vũ Thị Thu Hương.

Hội đồng xét xử căn cứ điều 30, điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình ; Quy định của Bộ luật Dân sự điều 615 về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại và điều 658 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán thì bà Vũ Thị Hương là vợ của ông Hoàng Văn Sơn là người trực tiếp ký kết nhận các khoản tiền thanh toán chi trả chế độ với công ty Thủy điện Hòa Bình, bà Hương phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ ông Hoàng Văn Sơn đã ký kết với Ngân hàng là đúng với quy định của pháp luật.

Bà Vũ Thị thu Hương phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 26; khoản 1 điều 35, điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ điều 30, điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 615 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh Hòa Bình

Buộc bà Vũ Thị Thu Hương phải trả khoản tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC ngày 17/01/2017 do ông Hoàng Văn Sơn đã kí kết với ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh Hòa Bình. Tính đến ngày 25/11/2020 số tiền:

Dư nợ gốc : 41.367.037,đ

Dư nợ lãi : 18.134.553,đ

Phí trả chậm: 7.396.814,đ

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 66.898.404,đ

2-Về án phí : Bà Vũ Thị Thu Hương phải nộp 3.344.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh Hòa Bình được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 00. 000 đồng theo biên lai số 000 6984 ngày 27/8/2020 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2020/DS-ST

Ngày 15/9/2020

(V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA BÌNH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà Mông Thị Dung
 - *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Quốc Trung, bà Phạm Thị Nga;
 - *Thẩm phán dự khuyết:* Bà Ngô Thị Như Hoa
 - *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thái Bình
 - *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:* bà Hoàng Lê Nhung- *Kiểm sát viên* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình
- Các ngày 21 tháng 8 năm 2020, 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình , tỉnh Hòa Bình

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2018, về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo

quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐST ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: - bà Nguyễn Thị Quyên, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, Thành phố Hòa Bình. tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: - ông Phùng Nguyễn Hoàng và bà Đoàn Thị Hồng là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hiếu Hùng

Địa chỉ: Phòng 502 tòa nhà THT Việt Nam B9/D6 khu ĐTM Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Quận cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Ông Hoàng vắng mặt, bà Hồng có mặt tại phiên tòa .

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn Dũng -sinh năm 1963

Bà Nguyễn thị Bìa – sinh năm 1967

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lỗ Hữu Thạch

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Lỗ Hữu Thạch, Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình – có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

-Bà Đinh Thị Thắng - sinh 1944, có mặt tại phiên tòa.

-Nguyễn Xuân Trường - sinh năm 1993

- Nguyễn Thu Hương – sinh năm 2003

Đều trú tại địa chỉ Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Anh Trường, chị Hương là các con của ông Nguyễn Văn Cường và bà Nguyễn Thị Quyên . Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2014 và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa , nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quyên trình bày: Gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 2.923,1m² đất trồng cây lâu năm tại Đồi Mè thuộc xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn (Cũ), tỉnh Hòa Bình ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSD Đ) tên hộ ông Nguyễn Văn Cường. Nguồn gốc đất do gia đình bà mua lại của các hộ ông Nguyễn Văn Bình ngày 13/10/2006, ông Nguyễn Văn Lanh ngày 16/4/2007, ông Nguyễn Văn Tuấn ngày 22/11/2006, đều trú tại Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, Thành phố Hòa Bình.tỉnh Hòa Bình.Khi mua chưa hộ nào được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 05/9/2007 gia đình bà làm đơn xin cấp GCNQSDĐ , cơ quan chức năng đã tiến hành các thủ tục thẩm định hồ sơ, xác định thực trạng, ranh giới. Ngày 28/11/2007 Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích đất trên cho hộ ông Cường.Do hình trạng thửa đất là một quả đồi có độ dốc lớn, có 02 cột điện dựng trên thửa đất nên năm 2009 gia đình bà Quyên đã đề nghị chi nhánh điện Kỳ Sơn

cho phép di rời cột điện và được chi nhánh điện chấp thuận. Mọi chi phí di rời gia đình đã thanh toán xong.

Ngày 04/6/2012 gia đình bà Quyên làm thủ tục chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Trịnh Bá Chiến và bà Bùi Thị Hà . Hai bên làm hợp đồng và trích đo thửa đất trên làm 02 thửa. Từ ngày 29/8/2012 đến ngày 21/9/2012 gia đình bà Quyên cũng đã tiến hành cho san ủi mặt bằng thửa đất trên. Khi cán bộ địa chính đến để tiến hành làm mốc giới giữa ranh giới đất nhà bà Quyên và đất nhà ông Dũng bà Bìa thì bà Bìa đã tự đi cắm mốc và đã cắm lấn sang đất của nhà bà Quyên, dẫn đến việc tranh chấp giữa hai hộ và việc chuyển nhượng với hộ ông Chiến không thành. Ngày 04/8/2013 ông Cường chết , bà Quyên thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự. Bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn Dũng , bà Nguyễn Thị Bìa trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 895 m² và đề nghị Tòa án xác nhận quyền sử dụng hợp pháp của bà đối với toàn bộ diện tích 2.923,1m² đất theo GCNQSDĐ mà hộ gia đình bà đã được cấp.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Bìa và ông Nguyễn Văn Dũng trình bày: Năm 1987 sau khi ông Dũng kết hôn với bà Nguyễn Thị Bìa ,được ông Nguyễn Thế Vận và bà Đinh Thị Thắng là bố mẹ đẻ của ông Dũng chia cho đất thổ cư và một mảnh đất trồng sắn, hiện nay sử dụng để trồng rừng. Vợ chồng ông Dũng ra ở riêng và canh tác trên đất được chia cho đến nay. Vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng ông Dũng cũng chưa làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và cũng không biết diện tích thửa đất đó là bao nhiêu. Căn cứ phía ông Dũng đưa ra là ngày 15/01/2006 tại gia đình ông Vũ Đức Hòa (con ông Vũ Văn Bình) đã cùng nhau tiến hành xác nhận bờ rào ranh giới đất giữa hai gia đình. Hai bên đã thống nhất kí biên bản và có xác nhận của trưởng xóm Dụ 5. Nay bà Quyên khởi kiện đòi gia đình ông Dũng bà Bìa phải trả 895m² đất là không có căn cứ. Giấy CNQSDĐ Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn cấp cho hộ cho hộ ông Cường đã lấn vào đất của gia đình ông Dũng 518m². Việc gia đình bà Quyên làm giấy CNQSDĐ ông Dũng bà Bìa không biết. Bà Quyên khởi kiện yêu cầu ông Dũng , bà Bìa trả 895m² là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ phía bị đơn đưa ra là:

- Giấy xác định ranh giới giữa gia đình ông Hòa (con ông Bình) và gia đình ông Dũng. Chứng minh việc Giấy chứng nhận QSD đất hộ ông Cường được cấp đã lấn quá ranh giới đất nhà ông Hòa chuyển nhượng lại cho hộ ông Cường;
- Diện tích đất của cả 03 hộ ông Vũ Văn Bình, ông Nguyễn Văn Lanh, ông Nguyễn Văn Tuấn chuyển nhượng cho hộ ông Cường không đúng với diện tích ông Cường đã được cấp giấy CNQSDĐ

Luật sư Lỗ Hữu Thạch – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã tiến hành lập biên bản lấy xác nhận đối với các trường hợp đã chuyển nhượng đất cho gia đình bà Quyên như sau:

Biên bản xác minh ngày 12/8/2017 đối với ông Vũ Văn Bình. Ông Bình cho biết đã bán cho anh Cường 1.080m² đất, có bàn giao mốc giới với đất nhà anh Dũng hiện có là hàng rào ngăn cách; Biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Hiệp là mẹ ông Nguyễn Văn Tuấn. (anh Tuấn đã chết ngày 06/01/2016) Bà Hiệp cho biết anh Tuấn bàn giao cho ông Cường diện tích 450 m² ở phía sau lô đất của

ông Nguyễn Văn Lanh, phía trên đồi cao ; không giáp ranh với mặt đường 6 như trong đơn chuyển nhượng anh Tuấn viết ngày 22/8/2006 ; Xác minh ngày 12/8/2017 đối với ông Nguyễn Văn Lanh . Ông Lanh xác định sau khi giao đất cho ông Cường có cắm mốc liền kề với đất nhà ông Bình. Đồng thời theo đơn chuyển nhượng đất của ông ông Lanh cho hộ ông Cường viết ngày 16/4/2007 thì thửa đất có diện tích rộng 25m,dài 35m (diện tích là 875m²). Tổng số diện tích đất của cả 03 hộ chuyển nhượng lại cho ông Cường là 2.405 m². So với giấy CNQSD đất hộ ông Cường được cấp diện tích 2.923 m² đã dư thừa 518 m²đất. Phía bị đơn còn đưa ra các căn cứ chứng minh giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Văn Cường được Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn cấp ngày 28/11/2007 đối với thửa 294 là không hợp pháp đó là:Việc thành lập hội đồng tư vấn và giao đất xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn là không có thật vì chính bà Khuất Thị Anh là trưởng xóm Dụ 5 xã Mông Hóa cũng có đơn viết ngày 16/11/2017 trình bày về việc phòng Tài nguyên và Môi trường lập biên bản thẩm tra đất đai làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất hộ ông Cường có ghi và có chữ kí của đại diện xóm Dụ 5 là bà Khuất Thị Anh nhưng thực ra bà không được mời tham gia; Cùng văn bản thẩm tra này Luật sư của bị đơn đã tiến hành xác minh lấy chữ kí của một số xóm khác cũng không được mời tham gia;

Phía bị đơn cho rằng: các chứng cứ nêu trên chứng minh việc cán bộ Tài nguyên và Môi trường xã Mông Hóa đã tự ý dựng lên biên bản không để hợp lý hóa việc thu hồi đất và cấp đất cho ông Cường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thế Vận, sinh năm 1939 và bà Đinh Thị Thắng sinh năm 1944, đều trú tại địa chỉ: Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn, tỉnh Hòa Bình (là bố mẹ đẻ của ông Dũng và ông Cường) đã có đơn gửi Tòa án ngày 18/8/2014 với nội dung xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do vợ chồng ông bà khai hoang để trồng sắn. Năm 1987 đã chia đất cho các con, trong đó phần diện tích đất gia đình bà Quyên và gia đình ông Dũng đang tranh chấp đã được ông bà chia cho anh Dũng. Yêu cầu Tòa án thu hồi diện tích đất của gia đình chị Quyên trả lại cho anh Dũng . Nếu bà Quyên không trả cho ông Dũng thì đề nghị Tòa án thu hồi để trả lại cho ông Vận , bà Thắng. Ông Vận mất ngày 09/10/2018, Bà Thắng tham gia tố tụng tại Tòa án,giữ nguyên quan điểm “ Đất do tôi và chồng là ông Nguyễn Thế Vận khai hoang từ rất lâu rồi. Đất đang tranh chấp là tôi chia cho con Nguyễn Văn Dũng , khi chia không hợp các con, không có giấy tờ gì, chỉ nói bằng miệng. Đất để trồng sắn, không phải đóng thuế . Khi sử dụng đất vợ chồng tôi cũng không rõ diện tích là bao nhiêu, tôi cũng không biết ông Vận có kê khai đất đai với chính quyền địa phương hay không.

Ông Vũ Đức Hòa (con trai ông Vũ Văn Bình) có ý kiến như sau: “ Tôi là người khai hoang đất để trồng sắn từ năm 1979. Tôi là người cảm thước để đo trước khi bán cho anh Cường chị Quyên. Thời điểm trước đó tôi định viết đơn xin cấp giấy CNQSD đất, nhưng khi đến UBND xã gặp anh Nguyễn Trọng Hiếu là cán bộ địa chính xã thì anh Hiếu trả lời là sẽ không cấp được giấy chứng nhận cho nhà dân nào cả vì nhà nước đang có ý định xây tượng đài, tôi không làm được giấy tờ, đất là do địa phương quản lí, tôi không nộp thuế đất. Phần đất tôi giao cho gia đình cho nhà chị Quyên có mốc là 02 cột điện, 01 cột trên đồi ; 01 cột

đổi diện bên đường quốc lộ 6; thửa đất phía Tây giáp vườn nhà ông Nguyễn Văn Dũng, phía Bắc giáp quốc lộ 6, phía Đông tiếp giáp vườn ông Tuấn. phía Nam tiếp giáp vườn ông Cường, bà Quyên”

Ông Nguyễn Văn Lan cho biết: “ Thửa đất tôi chuyển nhượng cho gia đình anh Cường do gia đình tôi khai hoang làm nương từ khoảng năm 1980, tôi không nắm rõ diện tích sử dụng, không nộp thuế đất ...Khi chuyển nhượng tôi không đo đạc gì. Vì xác định là đất khai hoang nhà nào làm thì làm, nếu bỏ thì nhà khác làm nên không ai nghĩ đến làm bìa đất. Khi chuyển nhượng cho anh Cường, chúng tôi chỉ nhận tiền công khai phá đất chứ không được quyền lợi gì”.

Bản án số 02/2017/ DSST ngày 23/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn (cũ) đã xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc gia đình ông Nguyễn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Bìa phải trả lại 895 m² đất đã lấn chiếm cho gia đình bà Quyên ; đồng thời bản án còn tuyên trách nhiệm liên quan của các bên.

Bản án số 01/2018/DSPT ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm do vụ án có kháng cáo của bị đơn. Bản án phúc thẩm đã quyết định hủy bản án sơ thẩm nói trên giao cấp sơ thẩm xét xử lại.

Ngày 29/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn đã thụ lý lại vụ án và tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải theo quy định của pháp luật. Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn sát nhập vào Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình theo sự sát nhập địa giới hành chính từ tháng 01/2020, Tòa án Thành phố Hòa bình tiếp nhận vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào mối quan hệ pháp luật, do ông Nguyễn Văn Cường đã chết, Tòa án xác định các con của ông Cường bà Quyên là -Nguyễn Xuân Trường - sinh năm 1993; Nguyễn Thu Hương – sinh năm 2003 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; đã có lời khai tại tòa án, xác định không biết việc tranh chấp đất đai và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Căn cứ yêu cầu của Nguyên đơn, Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản có trên diện tích đất tranh chấp.

***Đối với đất tranh chấp:**

- Phía Bắc tiếp giáp hành lang giao thông: có chiều dài cạnh 13,03m
- Phía Nam tiếp giáp diện tích thửa đất 196 do chính quyền địa phương quản lý : chiều dài 25,14 m
- Phía Đông tiếp giáp phần đất hộ ông Dũng bà Bìa đang sử dụng làm vườn(chưa có giấy CNQSD đất): có chiều dài 6,44 m + 39, 14m)
- Phía Tây tiếp giáp phần diện tích đất đã cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường:

*** Đối với tài sản trên diện tích đất tranh chấp có:**

- 07 cây nhãn loại 01 năm tuổi có giá 45.000đ/cây = 315.000đ
- 03 cây vải thiều 01 năm tuổi có giá 45.000đ/ cây = 135.000
- 03 cây xoài 02 năm tuổi, giá 70.000đ/ cây= 210.000đ
- 03 rãnh mía dài 06 m, giá 17.000đ/m = 305.000đ
- 04 cây keo loại 04 năm tuổi giá 15.000đ/cây=60.000đ
- 04 cây bưởi loại 01 năm tuổi, giá 50.000đ/ cây= 200.000đ

- 01 cây mít loại 01 năm tuổi trị giá = 45.000đ
 - 02 cây na 01 năm tuổi trị giá 45.000đ/cây= 90.000đ
 - 01 cây doi 01 năm tuổi trị giá 30.000đ = 30.000đ
 - 01 cây ổi 02 năm tuổi trị giá 45.000đ
- 08 cây chuối . Trong đó 07 cây có giá trị 40.000đ/cây; 01 cây đang cho thu hoạch có giá 95.000đ. Tổng giá trị = 375.000đ
- *Tổng giá trị tài sản các loại cây trên đất đang tranh chấp = 1.811.000đồng(một triệu tám trăm mười một ngàn đồng)

Luật sư Đoàn Thị Hồng là đại diện cho nguyên đơn nêu quan điểm: Hộ bà Quyên mua đất của 03 hộ ông Hòa, ông Lanh , Ông Tuấn, những người bán cũng không biết rõ diện tích; diện tích đất ghi trong đơn xin cấp giấy CNQSD đất là trên cơ sở có đo đạc của địa chính địa phương; Thửa đất 195 gia đình ông Dũng bà Bìa đang sử dụng cộng thêm một phần thửa 196 có phần tiếp giáp với thửa đất gia đình bà Quyên đã được cấp bìa; ông Dũng bà Bìa đều thừa nhận có kí giáp ranh khi gia đình bà Quyên làm thủ tục xin cấp bìa đất ; đồng thời kết quả xác minh của Tòa án hai cấp đối với cơ quan Tài nguyên và Môi trường khẳng định việc cơ quan Hành chính địa phương cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Cường là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Phía bị đơn không đưa ra được căn cứ khẳng định Giấy CNQSD đất của hộ ông Cường được cấp đã lấn sang đất của ông Dũng bà Bìa 518 m². Căn cứ Nghị định 43/2014 / NĐ-CP hướng dẫn Luật đất đai năm 2013 quy định chi tiết về cấp Giấy CNQSD đất thì trường hợp hộ ông Cường được cấp GCNQSD đất đối với thửa 294 tờ bản đồ số 31, là hoàn toàn hợp pháp. Đề nghị HĐXX buộc gia đình ông Nguyễn Văn Dũng trả lại diện tích 895 m² đất lấn chiếm cho hộ bà Nguyễn Thị Quyên.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn nêu quan điểm: Căn cứ vào tổng diện tích 03 hộ chuyển nhượng cho ông Cường tổng 2.405.000 m² . Diện tích trong giấy CNQSD đất của hộ ông Cường cấp 2.923,1 m² là dư 518 m²; Giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Cường là giả mạo, không có căn cứ vì qua xác minh một số thành phần có tên trong Hội đồng thẩm định đất đai, họ không được tham gia, không được kí biên bản. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Quyên có khai là nguồn gốc đất được bố mẹ cho, nhưng bà Thắng đã khai rõ là không cho đất nhà Quyên mà cho nhà Dũng, Bìa; Đề nghị HĐXX xem xét quyết định thu hồi giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Văn Cường. Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp lại giấy CNQSD đất đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lí đến trước khi xét xử, thẩm phán được phân công thụ lí giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật .Tại phiên tòa , Hội đồng xét xử và thư kí Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của các đương sự , quá trình giải quyết vụ án chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX :-Căn cứ các điều 164,166,168 Bộ luật dân sự 2015; điều 17,23,59,99.100.203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 điều 26 NQ 326/ 2016/HĐTP quy định về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn Dũng, bà Nguyễn Thị Bìa phải trả lại diện tích 895 m² đất trong tổng số 2.923,1m² thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31 theo giấy CNQSD đất gia đình bà Nguyễn Thị Quyên đã được cấp.
- Đương sự phải chịu án phí dân sự và chi phí định giá tài sản, thẩm định tại chỗ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quyên về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Dũng và Nguyễn Thị Bìa trả lại diện tích đất lấn chiếm, ông Nguyễn Văn Dũng và Nguyễn Thị Bìa đều trú quán tại: Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 9 điều 26; điều 35, điều 39 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền sử dụng đất” theo điều 166 và điều 170 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và trước phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả lại diện tích 895m² nằm trong diện tích đất nguyên đơn đã được cấp giấy CNQSD đất; Phía bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa đại diện VKS TP Hòa Bình đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để điều tra xác minh làm rõ những vấn đề liên quan đến hộ ông Đỗ Văn Khả do phòng TNMT huyện Kỳ Sơn cung cấp; Đề nghị mời đại diện Phòng Tài nguyên Môi trường tham gia phiên tòa để làm rõ một số mâu thuẫn trong biên bản xác minh; Đề nghị HĐXX triệu tập thêm những người chuyển nhượng đất cho hộ bà Quyên tham dự phiên tòa với tư cách là nhân chứng trong vụ án.

HĐXX đã thảo luận, căn cứ điểm c khoản 1 điều 259 BLTT Dân sự ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ. TAND Thành phố Hòa Bình đã tiến hành xác minh bổ sung; Đại diện Phòng TNMT Thành phố Hòa Bình và Nguyễn Thị Thúy Hà từ chối tham gia phiên tòa với lý do bận công việc và đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ những thông tin về thửa đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Cường.

Đối với những người có giấy chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn Cường là ông Nguyễn Văn Tuấn (đã chết ngày 16/12/2015); ông Vũ Đức Hòa, ông Nguyễn Văn Lan đều từ chối tham gia tố tụng và đã có khai báo đầy đủ trong các biên bản điều tra xác minh của Tòa án.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét các chứng để làm rõ nguồn gốc diện tích 895,1 m² đất đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Quyên với ông Nguyễn Văn Dũng và Nguyễn Thị Bìa

Phía nguyên đơn cũng khai về nguồn gốc đất là trong năm 2006 và năm 2007 đã nhận chuyển nhượng lại từ các hộ ông Vũ Văn Bình, ông Nguyễn Văn Lanh, ông Nguyễn Văn Tuấn đất vườn đồi. Các hộ chưa được cấp giấy CNQSD đất. Ngày 15/9/2007, hộ ông Cường bà Quyên đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất trên. Ngày 28/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn (cũ) đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường , thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 2,923,1 m² đất trồng cây lâu năm; thời gian sử dụng 50 năm.

Các hộ chuyển nhượng đất cho gia đình bà Quyên đều thừa nhận là chỉ nhận tiền công khai phá đất, chưa ai có giấy CNQSD đất, không rõ diện tích đất sử dụng là bao nhiêu. Sau khi được cấp giấy CNQSD đất, gia đình bà Quyên đã di chuyển 02 cột điện và cho san ủi đất từ đồi cao xuống thành thửa đất có mặt bằng.

Tại bl 221 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã lập biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân xã Mông Hóa, đề nghị cung cấp nguồn gốc thửa đất cấp cho hộ ông Cường và đã xác định như sau: Thửa đất có nguồn gốc hình thành cụ thể như sau: Theo sổ mục kê, tờ bản đồ số 31 do xã Mông Hóa quản lý thửa số 196 thuộc đất Ủy ban nhân dân xã quản lý, loại đất hoang hóa, diện tích 5.914m², đo đạc năm 1997, 1998 là quy chủ. Đến năm 2007 UBND xã làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường diện tích 2.923,1 m²; số diện tích còn lại đang thực hiện đo đạc theo bản đồ 672, dự án của Thủ tướng chính phủ .. Ba hộ ông Lanh, ông Bình, ông Tuấn bán đất cho hộ bà Quyên không có tên trong sổ địa chính xã Mông Hóa quản lý. Theo bản đồ địa chính số 31, đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng đang sử dụng có số thửa 194, diện tích 564m² đất thổ cư; Diện tích đất hoang chưa được cấp giấy CNQSD đất là thửa 195 có diện tích 202 m². Một góc thửa đất đang sử dụng liền kề với thửa đất của hộ ông Cường”.

Tại bút lục số 218 biên bản làm việc ngày 19/12/2017 của TAND tỉnh Hòa Bình, bà Nguyễn Thị Thúy Hà –Phó phòng TNMT huyện Kì Sơn (cũ) có cung cấp thông tin : “ thửa đất 294 có diện tích 2. 923,1 m² đất vườn. Tổng số diện tích này được hợp nhất thửa 208a thành thửa 295 mang tên hộ ông Đỗ Văn Khá , tại tờ bản đồ số 31, tổng diện tích 360 m² , trong đó diện tích thổ cư 260 m², diện tích đất vườn 100 m²...” . Ngày 24/8/2020, TAND Thành phố Hòa Bình đã tiến hành xác minh bổ sung, yêu cầu bà Nguyễn Thúy Hà, hiện là Phó phòng TNMT thành phố Hòa Bình kiểm tra lại thông tin địa chính đối với thửa đất 294. Tại sổ mục kê quyền số 03, xã Mông Hóa , tại trang số 45, dòng thứ 17 từ trên xuống là thửa 294 tên ông Nguyễn Văn Cường ; Dòng thứ 18 ghi tên ông Đỗ Văn Khá , thửa 295, hợp thửa với 208a với thửa 295 thành thửa 295 có diện tích 360m². Thực chất 02 hộ này không liên quan gì đến nhau. Phần cung cấp thông tin cho TAND tỉnh Hòa Bình ngày 19/12/2017 là do nhầm lẫn do việc chỉnh lý biên động trong sổ , dòng trong sổ, dòng của hộ ông Khá lại ghi nhầm sang hộ ông Cường.

Như vậy đối với diện tích đất đang tranh chấp xác định hình thành từ diện tích đất hoang thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn (cũ) nay là thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn đã cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường trên cơ sở nhà

nước thực hiện chính sách quy hoạch sử dụng theo điều 50 luật đất đai năm 2003: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”

Phía bị đơn ông Dũng bà Bìa cũng thừa nhận : Nguồn gốc đất là do bố mẹ khai hoang, bố mẹ chia đất cho gồm 02 thửa. 01 thửa thổ cư đã cấp bìa; 01 thửa còn lại là đất vườn, chưa cấp bìa, chưa rõ diện tích, diện tích đất không có ai quản lý, không đóng thuế, sử dụng để trồng tre, keo và sản từ năm 1987. Năm 1990 có công ty đến xin san lấp đất đổ nền chỗ khác nên ông bà đã cho san ủi để lấy mặt bằng làm nhà, làm vườn. Sau này nhà bà Quyên cũng cho san ủi nên hình dạng thửa đất đã thay đổi, chỉ còn lại một cột mốc đánh dấu ranh giới nhà ông Hòa với ranh giới nhà Dũng, Bìa.

Hiện tại ông Dũng và bà Bìa cũng như bà Thắng không xuất trình được bất cứ loại giấy tờ gì liên quan đến quyền sử dụng đối với thửa đất 195. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 08/6/2020 tiến hành xác minh địa chính đối với thực trạng sử dụng đất của 02 hộ. Cán bộ địa chính xã Mông Hóa cho biết: Căn cứ bản đồ đo đạc địa chính chính quy năm 1997 thì hiện tại gia đình ông Dũng bà Bìa đang sử dụng thửa 195 và sử dụng thêm sang phần diện tích thửa 196 để trồng cây hoa màu là phần tiếp giáp với đất nhà bà Quyên đã được cấp bìa. Phần tiếp giáp của thửa 195 là thửa số 196 thuộc đất Ủy ban nhân dân xã quản lý, loại đất hoang hóa, diện tích 5.914m². Năm 2007 UBND xã làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất diện tích 2.923,1 m²; cho hộ ông Cường diện tích trên thành thửa 294; phần diện tích còn lại vẫn mang tên thửa 196, hiện nay vẫn là hiện đất hoang do chính quyền địa phương quản lý. phần tiếp giáp của thửa 195 là thửa số 196 hiện nay trong sổ địa chính địa phương vẫn thuộc đất Ủy ban nhân dân xã quản lý, loại đất hoang hóa,

Theo quy định tại điều 15 Luật Đất đai năm 2003: “ Nhà nước nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm đất đai; không sử dụng đất đúng mục đích; ... không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi sử dụng các quyền của người sử dụng đất; không thực hiện hoặc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng đất”. Việc đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bao gồm đăng ký lần đầu và đăng ký biến động, được thực hiện tại tổ chức đăng ký đất đai thuộc cơ quan quản lý đất đai. Đăng ký đất đai là nghĩa vụ bắt buộc đối với người sử dụng đất và người được giao đất để quản lý đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là việc kê khai và ghi nhận tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và quyền quản lý đất đối với 01 thửa đất vào hồ sơ địa chính. Hộ gia đình bà Đình Thị Thắng và ông Nguyễn Thế Vận đã khai hoang đất và chia các con. Đến nay ông Vận và bà Thắng đều khẳng định là trước khi chia cho các con đất chưa có giấy CNQSD đất. Gia đình anh Dũng và chị Bìa được chia từ năm 1987 và chỉ làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 194, được Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn cấp giấy CNQSD đất ngày 26/9/2000, diện tích 564 m² đất thổ cư. Thửa đất còn lại là thửa 195 có diện tích 202 m² đất, anh Dũng chị Bìa sử dụng canh tác

làm vườn từ năm 1987 cho đến nay cũng không rõ diện tích thửa đất và không làm thủ tục đăng kí quyền sử dụng đất đối với chính quyền địa phương; không nộp thuế sử dụng đất. Theo quy định của Luật đất đai, không có cơ sở nào chứng minh ông Dũng bà Bìa có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất đang canh tác làm vườn tại phần diện tích đất đang tranh chấp với hộ bà Nguyễn Thị Quyên.

Xét yêu cầu của phía bị đơn về việc: Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn đã cấp cho hộ ông Cường diện tích 2.923,1m² trong giấy CNQSD đất so với số diện tích đã mua lại của ba hộ là thừa 518m² và số diện tích đất này là đã cấp lần sang đất của gia đình ông Cường bà Bìa là không có căn cứ vì phía bị đơn đến nay cũng không biết thửa đất số 195 đang sử dụng làm vườn có diện tích là bao nhiêu. Đồng thời, Tòa án đã làm rõ việc chuyển nhượng giữa hộ ông Cường với các hộ ông Nguyễn Văn Bình ông Nguyễn Văn Lanh, ông Nguyễn Văn Tuấn (b1 200 bà Hiệp có đơn ngày 12/ 12/2017 xác nhận gia đình bà khai hoang đất từ năm 1981, chị Quyên có trả công thù lao khai hoang phục hóa đất). Theo kết quả xác minh điều tra nguồn gốc đất 03 hộ chuyển nhượng cho ông Cường là đất do 03 hộ có công khai hoang trồng cây hoa màu và đất vẫn do chính quyền địa phương quản lí, chưa ai được cấp GCNQSD đất, chưa kê khai sử dụng đất, nên cũng không biết rõ diện tích của thửa đất. Khoản tiền nhận của gia đình ông Cường thực chất là nhận lại tiền công khai phá đất.

Từ căn cứ trên xác định UBND Huyện Kì Sơn cấp giấy CNQSD đất diện tích 2.923,1 m² cho hộ ông Cường từ nguồn gốc đất tách một phần diện tích thửa 196 (là đất hoang, do Ủy ban xã quản lí) thành thửa 294, không vi phạm gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Bìa; cũng như không vi phạm đến quyền lợi của hộ ông Nguyễn Thế Vận và bà Đinh Thị Thắng. Do đó yêu cầu của Bà Thắng và của ông Dũng, bà Bìa đòi hộ bà Quyên trả lại 518m² đất là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Phía bị đơn cho rằng giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn cấp cho gia đình ông Cường bà Quyên là giả mạo, không hợp pháp. Các nhân chứng do phía bị đơn cung cấp có ông Nguyễn Văn Phán có đơn ngày 22/11/2017, đề nghị Tòa án xác minh lại thủ tục đo đạc của cán bộ địa chính trong việc làm thủ tục cấp bìa đất cho hộ ông Cường vì thời điểm đó ông Phán làm chủ tịch xã Mông Hóa, giao cho cán bộ địa chính làm thủ tục để ông kí nhưng ông không biết có 03 hộ bán đất cho ông Cường; Bà Khuất Thị Anh có đơn ngày 16/11/2017 đề nghị Tòa án xem xét về việc Phòng TNMT lập biên bản thẩm tra đất đai đối với hộ ông Cường, bà Anh không được tham dự; Tại BL số 240, 233, luật sư phía bị đơn cũng lấy chữ kí xác nhận của một số người có tên trong thành viên tham gia trong Hội đồng tư vấn giao đất xã Mông Hóa để chứng minh quy trình thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Cường là không hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Phòng TN và MT huyện Kì Sơn cung cấp thể hiện: Ngày 15/9/2007 ông Nguyễn Văn Cường đã có đơn xin giao đất và cấp giấy CNQSD đất gửi UBND xã Mông Hóa và UBND huyện Kì Sơn. Ngày 20/9/2007 UBND xã Mông Hóa đã họp Hội đồng tư vấn và giao đất. Ngày 06/10/2007 UBND xã Mông Hóa đã có công văn số 03/UB-ĐC về việc đề nghị

UBND huyện Kì Sơn thu hồi, giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường. Trên cơ sở đó ngày 22/10/2007 phòng TNMT huyện Kì Sơn đã tiến hành thẩm tra đất đai trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương xã Mông Hóa, xóm Dụ 5, các hộ giáp ranh, trong đó có hộ ông Dũng bà Bìa đã kí giáp ranh. Đến ngày 19/11/2007 phòng TNMT huyện Kì Sơn có tờ trình số 54/ TTr-TNMT về việc thu hồi, giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường. Ngày 27/11/2007 UBND huyện Kì Sơn đã ra Quyết định số 1100/QĐ-UBND có nội dung:

-Thu hồi 2.923,1m² đất tại thửa 294, tờ bản đồ số 31 là loại đất vườn đồi do UBND xã Mông Hóa quản lý, để giao cho hộ ông Nguyễn Văn Cường- xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn, tỉnh Hòa Bình sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm.

-Cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường- xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn, tỉnh Hòa Bình tại thửa 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 2.923,1m², đất trồng cây lâu năm, thời gian sử dụng 50 năm.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/6/2017 và ngày 20/6/2017 bà Nguyễn Thị Bìa và ông Nguyễn Văn Dũng đã có đơn khởi kiện vụ án Hành chính đối với Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn và Ủy ban nhân dân xã Mông Hóa huyện Kì Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình hủy quyết định số 11000 ngày 27/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn việc thu hồi và cấp đất cho ông Nguyễn Văn Cường đã lấn sang đất vườn gia đình ông Dũng bà Bìa 518,1m². Ngày 02/7/2017 bà Nguyễn Thị Bìa rút đơn khởi kiện Hành chính. Theo quy định của pháp luật, ông Dũng, bà Bìa đã từ bỏ quyền khởi kiện vụ án Hành chính đối với yêu cầu xem xét quy trình cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường.

Do vậy trong vụ án dân sự này Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường của cơ quan hành chính địa phương không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cá nhân hoặc tổ chức nào; Đồng thời căn cứ kết quả điều tra xác minh của Tòa án đối với cơ quan chức năng là Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kì Sơn (bl 123) cung cấp: trình tự thủ tục cấp giấy CNQSD đất đối với hộ ông Cường đã thực hiện đúng quy định. Cụ thể theo quy trình: hộ gia đình làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND xã Mông Hóa; Ủy ban xã Mông Hóa tiến hành kiểm tra đo đạc sau đó trình Hội đồng tư vấn và phòng Tài nguyên và Môi trường. Phòng đã tiến hành thẩm tra đất đai, các hộ giáp ranh thửa đất đều kí vào biên bản. Sau đó trình lên Ủy ban nhân dân huyện thu hồi diện tích đất 2.923,1 m² đất tại thửa 294, tờ bản đồ số 31; Đồng thời giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường.

Như vậy hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất của ông Nguyễn Văn Cường được UBND xã Mông Hóa lập và xác nhận theo quy định tại khoản 4, điều 50 của Luật đất đai năm 2003: trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSD đất được UBND xã Mông Hóa thực hiện theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 14, Nghị định 88/2009 /NĐ-CP, ngày 19/10/2009 về cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: “ Công bố công khai kết quả kiểm tra tại UBND xã, thị trấn trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về

nội dung công khai”. Việc ông Nguyễn Văn Phán và bà Khuất Thị Anh cùng với một số người làm trưởng xóm tại thời điểm đó không có ý kiến nào thắc mắc về nguồn gốc và thủ tục giao cấp đất cho hộ ông Cường trong thời gian niêm yết. Gia đình ông Nguyễn Văn Cường cũng đã sử dụng đất trong nhiều năm, đã tiến hành chuyển cột điện, san ủi đất, không có ý kiến phản đối. Nay xảy ra tranh chấp mới đưa ra ý kiến phản đối là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường diện tích đất 2923,1m² tại thửa số 294, tờ bản đồ số 31, địa chỉ xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn (cũ) là đúng trình tự quy định của Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ khoản 1,2 điều 10 luật đất đai 2003 quy định về những đảm bảo cho người sử dụng đất “1. Nhà nước cấp giấy CNQSD đất cho người sử dụng đất.

2. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng Hòa, chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam việt nam và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam”

Vì vậy,việc luật sư phía bị đơn và các bị đơn đề nghị HĐXX thu hồi giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Văn Cường, đề nghị cơ quan Hành chính địa phương cấp lại giấy CNQSD đất trong vụ án này không có cơ sở chấp nhận.

Tại bản án phúc thẩm số 01/2018 ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình có nhận định: “Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn cấp giấy CNQSD đất số AĐ 986143 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Cường ngày 28/11/2007, thửa 294 có diện tích 2.923,1 m². Chỉ có 03 cạnh ghi rõ diện tích , chiều cạnh dài mặt trước thửa đất giáp quốc lộ 6A không có diện tích , mà chỉ thể hiện 361,2 m²đất thuộc hành lang bảo vệ giao thông ”. Nay HĐXX căn cứ vào các thông số của bản trích đo địa chính khu đất ngày 06/6/2017 của Trung tâm kĩ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình ghi trên cạnh có hành lang giao thông(8,93; 4,10; 21,42; 25,39) và đối chiếu với biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình (kèm theo sơ đồ minh họa) đều xác định rõ: Thửa đất 294 có cạnh phía Bắc (là cạnh tiếp giáp đường quốc lộ 6A) là :13,03 m+46,81m = 59,84m (Trong đó 13,03 m là chiều dài cạnh phía Bắc của phần diện tích đang tranh chấp); đồng thời đối chiếu với bản đồ địa chính chính quy năm 1997 của Xã Mông Hóa không có sai lệch về vị trí hình dạng của thửa đất đã cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường. Từ đó xác định giấy CNQSD đất số AĐ 986143 do Ủy ban nhân dân huyện Kì Sơn cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Cường ngày 28/11/2007, thửa 294 có diện tích 2.923,1 m² không có sai lệch về diện tích, vị trí, hình dạng.

Căn cứ khoản 1,2 điều 10 luật đất đai 2003 quy định về những đảm bảo cho người sử dụng đất “1. Nhà nước cấp giấy CNQSD đất cho người sử dụng đất.

2. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng Hòa, chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam việt nam và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam”

Vì vậy,việc luật sư phía bị đơn và các bị đơn đề nghị xem xét lại quy trình cấp giấy CNQSD đất trong vụ án này không có cơ sở.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quyên: đòi quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 2923,1m² tại thửa số 294, tờ bản đồ số 31, địa chỉ xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kì Sơn (cũ) nay là thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Buộc gia đình ông Nguyễn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Bì trả lại 895 m² đất đã sử dụng lấn chiếm cho bà Nguyễn Thị Quyên.

Đối với tài sản có trên diện tích đất tranh chấp: Tại bản án số 02/ 2017/DSST xác định gia đình ông Dũng bà Bì trồng 17 rãnh mía có giá trị 3.672.000 đồng. Số tài sản này phía gia đình ông Dũng bà Bì đã thu hoạch.

Tài sản hiện tại theo biên bản định giá ngày 30/6/2020 gồm có:

- 07 cây nhãn loại 01 năm tuổi có giá 45.000đ/cây = 315.000đ
- 03 cây vải thiều 01 năm tuổi có giá 45.000đ/ cây = 135.000
- 03 cây xoài 02 năm tuổi, giá 70.000đ/ cây= 210.000đ
- 03 rãnh mía dài 06 m, giá 17.000đ/m = 305.000đ
- 04 cây keo loại 04 năm tuổi giá 15.000đ/cây=60.000đ
- 04 cây bưởi loại 01 năm tuổi, giá 50.000đ/ cây= 200.000đ
- 01 cây mít loại 01 năm tuổi trị giá = 45.000đ
- 02 cây na 01 năm tuổi trị giá 45.000đ/cây= 90.000đ
- 01 cây doi 01 năm tuổi trị giá 30.000đ = 30.000đ
- 01 cây ổi 02 năm tuổi trị giá 45.000đ

08 cây chuối . Trong đó 07 cây có giá trị 40.000đ/cây; 01 cây đang cho thu hoạch có giá 95.000đ. Tổng giá trị = 375.000đ

*Tổng giá trị tài sản các loại cây trên đất đang tranh chấp = 1.811.000đồng(một triệu tám trăm mười một ngàn đồng)

Căn cứ biên bản xác minh của Tòa án đối với cán bộ địa chính xã Dân Hạ, huyện Kì Sơn(bút lục 125) và biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai ngày 22/10/2007 thì thời điểm làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Cường đất là đất hoang do xã quản lí. Thời điểm đó ông Dũng bà Bì chưa trồng cây gì

Như vậy,xác định số cây trên gia đình ông Dũng bà Bì trồng trong thời gian đất đang xảy ra tranh chấp nên không có căn cứ để buộc bà Quyên phải bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cho ông Dũng bà Bì có thời gian nhất định để thu dọn, di chuyển những cây trồng đến địa điểm khác là phù hợp.

[3].Về chi phí tố tụng: Bà Quyên đã nộp chi phí đo đạc của Trung tâm kĩ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Hòa Bình 4.000.000 đ. Nay bà Quyên giữ nguyên quan điểm yêu cầu mỗi bên phải chịu 1/2. Xét chi yêu cầu của bà Quyên là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản trong quá trình vụ án giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm, bà Quyên đã nộp 4.500.000 đồng. Căn cứ theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng, nay cần buộc ông Dũng và bà Bì phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Quyên

[4] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Dũng, bà Bì phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 điều 26; khoản 1 điều 35, điều 39, điều 147, 149, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ điều 164, 166, điều 169, Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 1, 2 điều 10 Luật Đất đai 2003; căn cứ điều 52, 53, điều 59, điều 99 điều 203 Luật đất đai năm 2013
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quyên. Buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bìa và ông Nguyễn Văn Dũng trả lại 895 m² đất đã lấn chiếm cho hộ bà Nguyễn Thị Quyên, tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vị trí, diện tích đất lấn chiếm có sơ đồ kèm theo. Cụ thể:

- Phía Bắc tiếp giáp hành lang giao thông: 13,03m
- Phía Nam tiếp giáp diện tích thửa đất 196 do chính quyền địa phương quản lý: 25,14m
- Phía Đông tiếp giáp phần đất (chưa có giấy CNQSD đất) hộ ông Dũng bà Bìa đang sử dụng làm vườn: (6,44m + 39,14m)
- Phía Tây tiếp giáp phần diện tích đất đã cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Cường

Trong thời gian 01 tháng kể từ án có hiệu lực pháp luật, hộ gia đình ông Dũng bà Bìa phải thu dọn, di chuyển hết số cây hoa màu trồng trên diện tích đất phải trả cho hộ bà Quyên

2- Đối với khoản tiền chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Dũng, bà Nguyễn Thị Bìa phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Quyên 2.000.000 đ (hai triệu đồng) tiền chi phí do đặc; 2.225.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. (Tổng số tiền ông Dũng, bà Bìa phải hoàn trả cho bà Quyên là 4.225.000 đồng)

3- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Bìa phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Quyên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.200.000đ theo biên lai số: 01738 ngày 01/8/2014. Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn (cũ) nay là Chi cục THA dân sự thành phố Hòa Bình

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Các Hội Thẩm Nhân Dân
phiên tòa**

Thẩm phán - chủ tọa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: ~~---~~/2020/DS-ST

Ngày 21/8/2020

(V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA BÌNH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thái Bình
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:*
Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình , tỉnh Hòa Bình

Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-DS, ngày tháng 9 năm 2018, về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST ngày tháng năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: - ông Hoàng Minh Hưng - sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn (cũ), Thành phố Hòa Bình.tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Tập đoàn GELEXIMCO- Công ty CP

Địa chỉ: số 36, phố Hoàng Cầu, phường Ô chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Vũ Văn Tiền- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Hòa -sinh năm 1974- chức vụ : Phó Giám đốc chi nhánh Hòa Bình tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 1580/2018/ UQ-TGD ngày 7/12/2018, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/8//2018 và các bản tự khai trong quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa , nguyên đơn ông Hoàng Minh Hưng trình bày: Năm 1996 gia đình ông canh tác một mảnh đất tại xóm Vạc nay là xóm Văn Tiến , xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn(Cũ). Đến năm 2000,được Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 823551 thửa số 01 tờ bản đồ số 67 thửa số 01 gồm 400 m² đất ở, 3.856 m² đất vườn. Đất sử dụng lâu dài. Gia đình ông sử dụng và canh tác ổn định, không xảy ra tranh chấp. Năm 2015 dự án sân Golf bắt đầu thi công. Vào giai đoạn một, trong khi san lấp, giải phóng mặt bằng đã lấn sang một phần đất của gia đình ông khoảng 200m². Khi tìm hiểu, biết ông Nguyễn Quốc Hòa là người đại diện chịu trách nhiệm chỉ đạo dự án,ông đã nhiều lần gặp ông Hòa yêu cầu trả lại diện tích đất mà dự án sân Golf đã lấn sang, nhưng ông Hòa vẫn chỉ đạo cho tiến hành xây dựng tường bao nhà xưởng trên phần đất đó. Ông Hưng đã gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết như Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, Thanh tra huyện Kỳ Sơn. Đoàn Thanh tra huyện Kỳ Sơn đã đến kiểm tra thực trạng và có biên bản kết luận : yêu cầu ông Nguyễn Quốc Hòa cùng ban quản lý sân Golf tháo dỡ hàng rào tường bao trả lại mặt bằng cho ông Nguyễn Minh Hưng . Nhưng từ đó đến nay, ông Hòa vẫn không tiến hành tháo bỏ tường bao mà còn xây thêm và trồng cây trồng cỏ trên diện tích đất đó. Ông Hưng đề nghị Tòa án giải quyết làm rõ, yêu cầu tập đoàn Geleximco trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình ông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Hòa ,đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn GELEXIMCO trình bày: Căn cứ vào các văn bản pháp lí liên quan đến dự án sân Golf Hòa Bình – Geleximco và được sự cho phép của các cơ quyền, công ty có nhận chuyển nhượng một số diện tích đất đai thuộc quy hoạch dự án và đã được chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản bàn giao mặt bằng cùng tài sản. Công ty đã tiếp nhận, quản lí và sử dụng theo quy hoạch được duyệt, xây dựng một số công trình thuộc hạng mục sân Golf và đã đưa vào sử dụng từ đó đến năm 2018 mà không có ý kiến gì phản ánh. Đến khi ông Hoàng Minh Hưng tranh chấp đất đai với bà Nguyễn thị Vân thì lại có ý kiến về việc phát hiện công ty Geleximco lấn chiếm phần đất mà trước đây ông Hưng không sử dụng. Việc ông Hưng khởi kiện Tập đoàn GELEXIMCO là hoàn toàn vô căn cứ vì việc chuyển nhượng đất đai tài sản trên đất của các hộ thuộc quy hoạch dự án là hoàn toàn công khai minh bạch và hợp

pháp, đã có các hồ sơ tại văn phòng đăng ký đất đai và Sở Tài nguyên Môi trường chứng minh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ để giải quyết.

Các tài liệu phía bị đơn nộp tại Tòa án gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Triệu, bà Nguyễn Thị Tình với bên nhận chuyển nhượng là chủ đầu tư dự án sân Golf Hòa Bình- GELEXIMCO

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên chuyển nhượng là ông Lê Văn Thắng, bà Đinh Thị Huyền với bên nhận chuyển nhượng là Công ty cổ phần XNK tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình. Nội dung: chuyển nhượng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 931,7 m² đất trồng cây lâu năm tại xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết với bên nhận chuyển nhượng là chủ đầu tư dự án sân Golf Hòa Bình- GELEXIMCO

Nội dung: chuyển nhượng thửa đất số 13,14,16, tờ bản đồ số 14, diện tích m² đất trồng cây lâu năm tại xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn (cũ), tỉnh Hòa Bình đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án; tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; căn cứ yêu cầu của Nguyên đơn, tiến hành thẩm định, định giá tài sản có trên diện tích đất tranh chấp.

Ngày 15/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn đã tiến hành thẩm định, xác định tổng diện tích đất tranh chấp trong thửa đất là 414,9 m², có tứ cận: phía Đông giáp suối; Phía Tây giáp sân Golf Gleximco; Phía Nam giáp thửa đất gia đình ông Hoàng Minh Hưng; Phía Bắc giáp sân Golf Gleximco.

Tài sản trên đất gồm:

Tường bao xây bằng gạch bê tông xi măng. Cao 2,2m, dài 45,74m xếp 01 hàng gạch đơn độ dày 15 cm tổng khối lượng là 15,09m³;

Trên diện tích đất đang tranh chấp có 01 cây ổi ta tán rộng 4 m²; 09 cây bong mát cao 3,5 m; 09 khóm cây Mai Hoàng Yến đã cho thu hoạch được trồng dưới 09 cây bóng mát.

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình đã tiến hành đo đạc mảnh trích đo địa chính số 04-2019 thể hiện diện tích đất tranh chấp 414,9 m². Được ký hiệu các cạnh như sau:

- AB là cạnh phía Bắc giáp sân Golf = 19,08 m
- BC là cạnh phía Đông giáp suối = 10,53m
- CD là cạnh phía Nam giáp đường bê tông = 35,21 m
- AD là cạnh phía Tây giáp sân Golf = 26,16 m

*Tại Biên bản định giá tài sản ngày 10/10/2019, Hội đồng định giá tài sản đã xác định:

- Diện tích đất tranh chấp 414,9 m² x 60.000/m² = 24. 890.000đ (Hai mươi tư triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)

- Tường bao: 15,09 m² x 835.000đ/ 1m² = 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng)

- Các loại cây: 01 cây ổi ta tán $4m^2 = 172.000đ$ (một trăm bảy mươi hai ngàn đồng) ;
09 cây gỗ bóng mát cao 3,5m = 2.376.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)
09 cây Mai Hoàng Yến x 196.000 đ /01 cây= 1.764.000 đ (một triệu bảy trăm sáu mươi tư ngàn đồng)
Tổng số trị giá tài sản và trị giá đất = 41.806.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm linh sáu ngàn đồng)

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn sát nhập vào Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình theo sự sát nhập địa giới hành chính từ tháng 01/2020, Tòa án Thành phố Hòa bình tiếp nhận vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 22/5/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình tiến hành thẩm định lại diện tích đất tranh chấp. Các thông số về diện tích đất tranh chấp không có thay đổi so với biên bản thẩm định, định giá ngày 10/10/2019 của Tòa án huyện kỳ Sơn; Tài sản trên đất tranh chấp: thiếu 01 cây ổi, các tài sản khác còn nguyên theo biên bản định giá tài sản ngày 10/10/2019.

Các bên đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản và nêu ý kiến nếu bên nào phải trả lại đất sẽ tự chuyển dịch tài sản.

Căn cứ vào mối quan hệ pháp luật, Tòa án xác định: ông Hoàng Minh Hưng người làm đơn khởi kiện, có tư cách là Nguyên đơn trong vụ án. Bà Đào Thị Thu Thủy là vợ ông Hưng; Các con ông Hưng là Hoàng Anh Tuấn – sinh năm 1996; cháu Hoàng Anh Tú- sinh năm 2000, là những người liên quan trong vụ án, đã làm giấy ủy quyền toàn bộ cho anh cho ông Hoàng Minh Hưng tham gia tố tụng. Phía bị đơn, theo văn bản ủy quyền số 1580/ 2018/UQ-TGD ngày 07/12/2018, ông Vũ Văn Tiên- chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Geleximco, ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Hòa – Phó giám đốc chi nhánh Hòa Bình tham gia tố tụng trong vụ án dân sự.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư kí Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của các đương sự, quá trình giải quyết vụ án chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Hoàng Minh Hưng yêu cầu tập đoàn Geleximco trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình ông thửa số 01 tờ bản đồ số 67 xóm Vạc nay là xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn (Cũ). Căn cứ khoản 9 điều 26; điều 35, điều 39 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền sử dụng đất” theo điều 166 và điều 170 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và trước phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên câu khởi kiện yêu cầu tập đoàn Geleximco trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình ông thửa số 01 tờ bản đồ số 67 xóm Vạc nay là xóm Văn Tiến, xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn (Cũ). Phía bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai các đương sự, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thẩm định, định giá tài sản. Riêng đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết là người đã chuyển nhượng thửa đất số 14 tại nay không có mặt tại địa phương, vì vậy Tòa án không thể tiến hành xác minh việc chuyển nhượng đất giữa bà Tuyết với Tập đoàn Geleximco. Tuy nhiên Các chứng cứ tài liệu về hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Tuyết với Tập đoàn Geleximco đã được Văn phòng Công chứng Doanh Sinh cung cấp đầy đủ cho Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét các chứng để làm rõ nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông Hoàng Minh Hưng và Tập đoàn GLEXIMCO.

Phía nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ: trong quá trình xảy ra việc tranh chấp đất với bà Nguyễn Thị Vân, được Tòa án giải quyết, cung cấp bản vẽ đo đạc thì phát hiện ra vị trí sân Golf đang thi công là phần đất gia đình ông đã được cấp giấy CNQSD đất. Trên cơ sở đơn đề nghị của ông Hưng, ngày 01/02/2018, Sở TN&MT đã có công văn số 284/STNMT-QLĐĐ yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai chỉ đạo chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kỳ Sơn, kiểm tra rà soát hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Hoàng Minh Hưng và bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở TN&MT tại công văn số 248/STNMT-QLĐĐ ngày 01/02/2018 về việc kiểm tra rà soát kiến nghị của công dân về cấp GNQSD đất. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kỳ Sơn tiến hành kiểm tra thực địa thửa đất hộ ông Hoàng Minh Hưng, bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết, thửa đất tại xóm Văn tiến, xã Dân Hạ. Tại biên bản làm việc ngày 05/3/2018, sau khi kiểm tra, đại diện phòng TNMT đã nêu ý kiến: Diện tích hộ ông Hoàng Minh Hưng được cấp giấy CNQSD đất và bản đồ địa chính khớp với nhau, không có sự chồng chéo trong quá trình cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Hưng và bà Tuyết; về hiện trạng thửa đất, có đường bê tông chạy qua thửa đất. Từ đường bê tông

đỏ về hướng Đông Nam hộ ông Hưng đang sử dụng ranh giới rõ ràng. Từ đường bê tông đỏ về hướng Bắc , sân Golf đang sử dụng, đã xây tường bao và nhà xưởng trên đất.

Ngày 16/6/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình đã tiến hành xác minh , kiểm tra đối chiếu giấy CNQSDĐ của hộ ông Hoàng Minh Hưng, bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết với sổ địa chính địa phương; Kiểm tra tờ bản đồ số 67 của xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn để làm rõ về diện tích đất trong giấy CNQSDĐ đất cấp cho hộ ông Hoàng Minh Hưng và số liệu diện tích trong bản trích đo số 04/2019 ngày 08/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở TNMT Hòa Bình;

Ngày 03/8/2020, Văn phòng đăng ký đất đai Sở TNMT Hòa Bình đã có công văn số 290/ VPĐKĐĐ- ĐK&CGCN trả lời các nội dung do Tòa án Thành phố Hòa Bình yêu cầu làm rõ các vấn đề liên quan đến phần diện tích đất đang tranh chấp, Cụ thể:

Ngày 12/3/2019 trên cơ sở yêu cầu của Tòa án huyện Kỳ Sơn, Văn phòng đăng ký đất đai đã tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất theo dẫn chỉ mốc giới của ông Hoàng Minh Hưng cùng với các hộ giáp ranh liền kề và đại diện chính quyền địa phương. Đã tiến hành đo đạc và lập ra bản đồ trích đo số 04/2019 ngày 08/7/2019 đối với thửa số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích theo giấy chứng nhận đã cấp là 4.256.0m² để phục vụ giải quyết tranh chấp giữa ông Hoàng Minh Hưng và Gleximco, có diện tích hiện trạng theo chỉ dẫn ranh giới của ông Hưng là 4.608,7 m²

Để giải thích số liệu bản trích đo số 06/2017, trên cơ sở đề nghị của Tòa án huyện Kỳ Sơn, Văn phòng đăng ký đất đai đã thực hiện trích đo hiện trạng thửa đất số 618 diện tích 679,6m² để phục vụ giải quyết tranh chấp trong vụ án giữa ông Hoàng Minh Hưng và bà Nguyễn Thị Vân. Đối với thửa số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích theo giấy chứng nhận đã cấp là 4.256.0m² đơn vị không thực hiện đo hiện trạng mà chỉ thể hiện ranh giới đã được cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Hoàng Minh Hưng(trùng với ranh giới bản đồ địa chính) và thửa đất số 618, tờ bản đồ số 67.

Về nguồn gốc thửa đất cũng đã được cơ quan chức năng xác định rõ

Tại Công văn số 62/ VPĐKĐĐ- ĐK&CGCN của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở TNMT Hòa Bình về việc kiểm tra rà soát kiến nghị của công dân về cấp giấy CNQSDĐ đất tại xã Dân Hạ , huyện Kỳ Sơn gửi Sở TNMT đã nêu rõ: Thực hiện chỉ đạo của của Sở TNMT ... Văn phòng đăng ký đất đai đã chỉ đạo chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kỳ Sơn kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ liên quan và có kết quả: *Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ đất của ông Hoàng Minh Hưng* : Hộ ông Hoàng Minh Hưng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lương Đình Súly tại thửa số 13 tờ bản đồ 12 diện tích 380m² đất ở (theo bản đồ 299) được UBND huyện Kỳ Sơn cấp giấy chứng nhận số 09007/QSDĐ/KS cấp ngày 20/3/1092. Đến năm 1999 ông Hưng thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định. Năm 2000 hộ ông Hoàng Minh Hưng được UBND huyện Kỳ Sơn cấp giấy CNQSDĐ số vào sổ 00783 QSDĐ/KS ngày 26/9/2000 tại thửa đất số 01 tờ bản đồ 67 tại xóm Vạc , xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn diện tích 400 m² đất ở , 3.856 m² đất vườn theo dự án cấp đổi sau đo đạc địa chính chính quy tại huyện

Kì Sơn. Tuy nhiên đến tháng 9/2003 ông Hưng mới hoàn thành nghĩa vụ tài chính.**Kiểm tra hồ sơ địa chính: Trên sổ mục kê thửa đất số 01 tờ bản đồ số 67 tên Lê Văn Thùy diện tích 2.629 m², mục đích sử dụng đất ao. Thửa đất đã cấp giấy CNQSDĐ cho ông Hoàng Minh Hưng thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 15, xã Trung Minh, Thành phố Hòa Bình(thửa đất giáp ranh với đường ranh giới 02 xã Trung Minh và Dân Hạ.**

Tại Văn bản số 62/VPĐK ĐĐ- ĐK& CGCN ngày 21/3/2018 của Văn phòng Đăng kí đất đai đã phản ánh rõ: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích 4.256m² được UBND huyện kì Sơn cấp giấy CNQSDĐ đất ngày 26/9/2000 cho ông Hoàng Minh Hưng có số phát hành 823551, số vào sổ 00783 QSDĐ/KS theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 01, diện tích 4.256m² tại xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình;

Về phía Tập đoàn GELEXIMCO, đã nhận chuyển nhượng đất của một số hộ trong đó có hộ bà Nguyễn thị Ánh Tuyết là hộ có diện tích đất giáp ranh với hộ ông Hoàng Minh Hưng. Trong công văn số 290 cũng đã nêu rõ: *Đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết:*

Ngày 03/9/2014 bà Tuyết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Đức Hải thửa đất số 13 tờ bản đồ số 14, diện tích 4.414 m², mục đích sử dụng đất ở (400 m²), đất vườn 4.014 m², theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 560/HĐGD/TP, quyền số 02 TP/CC được lập tại Văn phòng Công chứng Tín Phát. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính, bà Tuyết được UBND huyện Kì Sơn cấp giấy CNQSDĐ số phát hành BX 781092, số vào sổ cấp GCN H 00972/KSTC ngày 24/10/2014

Ngày 05/9/2014 bà Tuyết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Đức Hải thửa đất số 14 và 16 tờ bản đồ số 14, diện tích 9.844 m², mục đích sử dụng đất ao theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 58/HĐGD/TP, quyền số 02 TP/CC được lập tại Văn phòng Công chứng Tín Phát. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính, bà Tuyết được UBND huyện Kì Sơn cấp giấy CNQSDĐ số phát hành BX 781091, số vào sổ cấp GCN H 0096/KSNN ngày 24/10/2014

Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ hộ ông Hoàng Minh Hưng và bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết tại xã Dân Hạ Huyện Kì Sơn, tỉnh Hòa Bình, đối chiếu với hồ sơ địa chính được cập nhật chính lí tại Văn phòng Đăng kí đất đai thấy không có sự chồng lấn giữa thửa đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Minh Hưng và các thửa đất mà bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết được cấp giấy chứng nhận.

Kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Hoàng Minh Hưng: Thửa đất ông Hưng được cấp giấy CNQSDĐ có đường bê tông chạy qua chia thửa đất thành 02 phần(đường này là do ông Hưng và ông Triệu tự nguyện làm đường năm 2012 để thuận tiện đi lại). Thực tế ông Hưng chỉ sử dụng đến mép mép đường bê tông còn phần bên kia đường không sử dụng nhưng là phần diện tích đất ông Hưng đã được UBND huyện Kì Sơn cấp giấy CNQSDĐ ngày 26/9/2000, số vào sổ 00783 QSDĐ/KS

Hiện tại trong hệ thống lưu trữ hồ sơ địa chính của Văn phòng đăng kí đất đai không có bản đồ, hồ sơ liên quan đến dự án sân Golf Gleximico. Khi đối chiếu hồ sơ nhận thấy thửa 14 và thửa 16 tờ bản đồ số 14 được UBND huyện Kì Sơn

cấp giấy CNQSD đất cho bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết . Số phát hành BX 781091 và số phát hành BX 781090 ngày 24/10/2014 do nhận chuyển nhượng QSD đất của hộ ông Lê Đức Hải. Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 14 có một phần tiếp giáp với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 14 có một phần tiếp giáp với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67.

Trong vụ án dân sự này Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Hoàng Minh Hưng của cơ quan hành chính địa phương là Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn trùng khớp với theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 01, sổ mục kê, thửa đất số 01 tờ bản đồ 67 diện tích 4.256m² tại xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình;

; Căn cứ kết quả kiểm tra của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kỳ Sơn về *Hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của ông Hoàng Minh Hưng*

Như giấy CNQSD đất của ông Hoàng Minh Hưng được được UBND huyện Kỳ Sơn cấp giấy CNQSDĐ số vào sổ 00783 QSDĐ/KS ngày 26/9/2000 tại thửa đất số 01 tờ bản đồ 67 tại xóm Vạc , xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn diện tích 4.256 m² theo dự án cấp đổi sau đo đạc địa chính chính quy tại huyện Kỳ Sơn.

Căn cứ kết quả kiểm tra đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa đã tiến hành đo đạc mảnh trích đo địa chính số 04-2019 thể hiện diện tích đất tranh chấp 414,9 m². Được kí hiệu các cạnh như sau:

- AB là cạnh phía Bắc giáp sân Golf = 19,08 m
- BC là cạnh phía Đông giáp suối = 10,53m
- CD là cạnh phía Nam giáp đường bê tông = 35,21 m
- AD là cạnh phía Tây giáp sân Golf = 26,16 m

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Hưng. Xác nhận ông Hoàng Minh Hưng có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 4.256m² tại thửa đất số 01 tờ bản đồ 67 tại xóm Vạc , xã Dân Hạ huyện Kỳ (cũ) nay là thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Buộc Tập đoàn Geleximco trả lại diện tích 414,9 m² cho hộ ông Hoàng Minh Hưng .

Đối với tài sản có trên diện tích đất tranh chấp: căn cứ kết quả thẩm định, định giá tài sản , Tập đoàn Geleximco xây dựng các tài sản trên diện tích đất tranh chấp có tổng giá trị 16.916.000đ (mười sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng). Các bên đương sự đã có ý kiến trong biên bản thẩm định là sẽ tự chuyển tài sản để trả lại đất sau khi tòa án có quyết định. Do vậy cần buộc tập đoàn Geleximco chuyển số tài sản để trả lại diện tích đất lấn chiếm cho hộ ông Hoàng Minh Hưng. Đó là:

- Tường bao: 15,09 m² x 835.000đ/ 1m²
- Các loại cây: 01 cây ổi ta tán 4m²
- 09 cây gỗ bóng mát cao 3,5m
- 09 cây Mai Hoàng Yến

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cho Tập đoàn Geleximco có thời gian nhất định để thu dọn, di chuyển những cây trồng đến địa điểm khác .

[3]. Về chi phí tố tụng: Ông Hưng đã nộp chi phí đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Hòa Bình 4.000.000 đ. Nay ông Hưng giữ nguyên quan điểm yêu cầu mỗi bên phải chịu 1/2. Xét chi yêu cầu của ông Hưng là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản trong quá trình vụ án giải quyết đã nộp 3.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng, nay cần tập đoàn Geleximco phải hoàn trả lại cho ông Hoàng Minh Hưng

[4] Về án phí sơ thẩm: Buộc Tập đoàn Geleximco phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 điều 26; khoản 1 điều 35, điều 39, điều 147, 157, 158, 163, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ điều 166, điều 169, Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 1, 2 điều 10 Luật Đất đai 2003; căn cứ điều 52, 53, điều 59, điều 99 điều 203 Luật đất đai năm 2013
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

3- Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Minh Hưng Buộc Tập đoàn Geleximco trả lại 414,9 m² đất đã lấn chiếm cho hộ ông Hoàng Minh Hưng tại thửa đất số 01 tờ bản đồ 67 tại xóm Vạc, xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn (cũ) nay là thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Phần diện tích đất lấn chiếm có sơ đồ kèm theo. Cụ thể:

- phía Bắc giáp sân Golf = 19,08 m
- phía Đông giáp suối = 10,53m
- phía Nam giáp đường bê tông = 35,21 m
- phía Tây giáp sân Golf = 26,16 m

Trong thời gian 01 tháng kể từ án có hiệu lực pháp luật Tập đoàn Geleximco phải thu dọn, di chuyển hết số cây trồng, tường bao và tài sản trên diện tích đất phải trả cho hộ ông Hoàng Minh Hưng theo biên bản thẩm định và định giá tài sản bao gồm:

- Tường bao: 15,09 m² x 835.000đ/ 1m²
- Các loại cây: 01 cây ổi ta tán 4m²
- 09 cây gỗ bóng mát cao 3,5m
- 09 cây Mai Hoàng Yến

4- Đối với khoản tiền chi phí tố tụng: Tập đoàn Geleximco phải trả lại cho ông Hoàng Minh Hưng 2.000.000 đ (hai triệu đồng) tiền chi phí đo đạc ; 2.225.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

5- Về án phí : Tập đoàn Geleximco phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm .

Ông Hoàng Minh Hưng được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.200.000đ theo biên lai số: 01738 ngày 01/8/2014. Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn (cũ) nay là Chi cục THA dân sự thành phố Hòa Bình

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày các bên đương sự có đơn yêu cầu thi hành án mà không thực hiện nghĩa vụ thi hành án về số tiền phải trả thì phải chịu lãi xuất, theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định tại thời điểm chậm thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**Các Hội Thẩm Nhân Dân
phiên tòa**

Thẩm phán - chủ tọa

Nơi nhận:
ĐỒNG XÉT XỬ
-TAND tỉnh Hòa Bình.

- **chủ tọa phiên**
- VKSNDTP Hòa
-Chi cục THADS TP Hòa
-Các đương
-UBND xã Mông Hóa
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI
Thẩm phán
tòa
Binh.
Binh
sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 15/8/2019.
(*V/v yêu cầu đòi lại tài sản*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
- *Thư ký phiên toà:* Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* Ông Lương Tiến Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 và ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu kiện đòi lại tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: - Hợp tác xã xóm Kê. do ông Đinh Công Na làm đại diện

Địa chỉ: xóm Ké, xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

- Ngô Quốc Hùng.

Địa chỉ: xóm Ké, xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Chiềng.

Địa chỉ: xóm Đầm Phế, xã Mường Tuổng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Quách Công Nông.

Địa chỉ: xóm Đầm Phế, xã Mường Tuổng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. có mặt tại phiên tòa.

- Bà: Đinh Thị Thiện.

Địa chỉ: xóm Ké, xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình -có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, phía nguyên đơn: Ông Đinh Công Na và ông Ngô Quốc Hùng trình bày: Ngày 26/6/2016 Ban quản lý hợp tác xã xóm Ké có giao cho ông Hùng một con bò đực sinh ngày 01/3/2015, màu lông đen, đánh dấu cắt xéo tai trái. Hình thức giao là khoán sản phẩm. Ông Na xác định sau khi nhận bò, gia đình ông Hùng không thả rông mà trực tiếp chăn dắt. Đến ngày 19/5/2017 gia đình ông Hùng vẫn chăn bò vào buổi sáng như mọi ngày và buộc ở chỗ bụi luồng trong vườn nhà cho bò ăn cỏ, đến khoảng 13 giờ chiều bà Đinh Thị Thiện là vợ ông Hùng cho bò ăn thì phát hiện bị mất bò. Sáng ngày 20/5/2017 ông Hùng đến thông báo cho Ban quản lý hợp tác xã, trưởng thôn, công an viên về việc mất bò. Hợp tác xã đã triển khai cử người tìm kiếm. Ngày 23/5/2017 nhận được tin báo là ông Quách Công Nông và bà Bùi Thị Chiềng, xóm Đầm Phế xã Mường Tuổng, huyện Đà Bắc đang buộc con bò ở dưới sân nhà. Phía Hợp tác xã đã báo công an xã đến lập biên bản hiện trường và lập biên bản tạm giao con bò cho gia đình bà Chiềng quản lý chờ giải quyết. Từ khi xảy ra sự việc đến nay đã hơn hai năm nhưng Công an và chính quyền địa phương không giải quyết dứt điểm. Việc bà Bùi Thị Chiềng tự ý vào đất nhà ông Ngô Quốc Hùng dắt bò về nhà mình và nhận đó là tài sản của mình khiến cho tập thể và xã viên HTX xóm Ké rất phẫn nộ và bức xúc. ông Đinh Công Na - chủ nhiệm HTX và ông Ngô Quốc Hùng làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà Bùi Thị Chiềng và ông Quách Công Nông trả lại con bò cho HTX xóm Ké và gia đình ông Hùng. Yêu cầu bồi thường mọi chi phí thiệt hại trong quá trình đi tìm và chi phí việc khởi kiện đòi lại con bò

Phía bị đơn: Bà Bùi Thị Chiềng và ông Quách Công Nông là người người liên quan tham gia tố tụng với phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều khẳng định: trong thời gian tháng 11 năm 2016, gia đình có bị mất 01 con bò đực sinh tháng 7/2013 có lông màu đen. Mẹ của con bò này có

lông màu vàng, năm 2011 đẻ con bò đực màu đen, năm 2012 đẻ một con cái màu vàng đen, khoảng tháng 7/2013 sau khi sinh ra con bò đực đang tranh chấp thì bò mẹ bị ốm, anh Nông bán bên Sơn La được 7.000.000đ. Tháng 8/2016 có nhờ ông Bùi Văn Lãm chăn một tháng, sau đó thả rông theo đàn bò của ông Lợi và ông Hưng xóm Tuồng Đồi đến cuối tháng 11/2016 phát hiện mất con bò. Đến tháng 1 năm 2017, nghe ông Tuyên nói nhìn thấy vợ chồng ông Hùng bắt một con bò đen. Ông Nông đã xuống nhà ông Hùng hỏi và xem con bò nhưng ông Hùng trả lời là nhà có một con bò nhỏ tầm 40 đến 50 kg thịt trong khi đó con bò nhà ông Nông đã tầm khoảng 80 kg thịt. Ngày 19/5/2017 bà Chiềng thấy con bò ông Hùng đang buộc trong vườn cùng với hai con bò vàng, quan sát dấu vết thấy đúng là con bò của nhà mình nên đã dắt con bò về mà không nói gì với nhà ông Hùng. Việc tranh chấp xảy ra, chính quyền địa phương đã đến giải quyết nhiều lần nhưng không được. Chính quyền địa phương đã tạm giao cho gia đình bà Chiềng và ông Nông tạm thời quản lý con bò.

Ngày 23/4/2019 Tòa án Huyện Đà Bắc đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với con bò đang tranh chấp. Xác định các đặc điểm cụ thể đó là: con bò đực có lông màu đen giống lai Sind, trên lưng có sọc lông màu vàng đỏ chạy từ bướu về sau (dài 47 cm); tai trái có vết cắt dọc 04 cm, mồm (ngon) tai có vết mòn; ; Dưới bộ phận sinh dục có sẹo lồi, đốm trắng; Sừng trái dài 16 cm có vết mòn phần nhọn, sừng phải dài 17 cm; Mồm có mép hai bên màu trắng; Răng: có 08 răng trưởng thành, đã bị gãy trong cùng phía trái 9 còn 07 răng; ; Trọng lượng: qua 03 lần đo (325,290,290) kg; Tại buổi thẩm định, cán bộ thú y có ý kiến xác định con bò khoảng 05 năm tuổi.

Ngày 15/5/2019 Tòa án tiếp tục mở phiên hòa giải. Các đương sự đã thống nhất về giá trị con bò tại thời điểm hiện tại là 21.000.000đ và không yêu cầu định giá tài sản.

Do hai bên vẫn không thống nhất được với nhau về phương án giải quyết. Phía bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả thẩm định, trên cơ sở ý kiến của cán bộ thú y xác định con bò đang tranh chấp khoảng 05 tuổi và căn cứ vào số răng để xác định đó là bò của bị đơn. Phía nguyên đơn không nhất trí, đề nghị tòa án cho tiến hành giám định ADN trên cơ sở mẫu phẩm đã thu thập để có kết luận chính xác.

Bà Chiềng và ông Nông không nhất trí và yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả thẩm định ngày 23/4/2019, trên cơ sở ý kiến của cán bộ thú y xác định con bò đang tranh chấp khoảng 05 tuổi và căn cứ vào số răng để xác định đó là bò của bị đơn. Phía nguyên đơn không nhất trí, đề nghị tòa án cho tiến hành giám định ADN trên cơ sở mẫu phẩm đã thu thập để có kết luận chính xác. Anh Nông và chị Chiềng đã tự nguyện rút yêu cầu giám định ADN đối với mẫu đối ứng do phía bị đơn cung cấp có kí hiệu M2 là con bò cái màu vàng có thể hệ cùng mẹ sinh ra với con bò đang tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định ADN số 01/2019/ QĐ-TCGD ngày 15/5/2019 trưng cầu phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ, tế bào động vật- Viện chăn nuôi xác định huyết thống con bò đang tranh chấp Kí hiệu M1 và con bò mẹ do phía nguyên đơn đưa ra làm mẫu đối ứng có kí hiệu M3. Tại thông báo kết quả

giám định gen số 14/PTNTĐ-KHCN ngày 04/6/2019 Kết quả giám định gen bò của phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ tế bào động vật -Viện chăn nuôi đã kết luận về đối tượng giám định kí hiệu M1 và M3 có quan hệ huyết thống mẹ con .

Tại biên bản làm việc ngày 03/5/2019 anh Nông và chị Chiềng từ chối giám định ADN và tại phiên tòa hôm nay, anh Nông và chị Chiềng vẫn khẳng định con bò đang tranh chấp chính là con bò của gia đình anh chị đã bị thất lạc nên kiên quyết không trả lại cho phía nguyên đơn vì vậy cũng không đề ra yêu cầu gì khác.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, thư kí ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật

Về tư cách tham gia tố tụng: HTX xóm Kề có đơn khởi kiện nhưng không thực hiện nộp án lệ phí theo quy định của pháp luật. Do đó HTX xóm Kề không phải là nguyên đơn trong vụ án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu đòi lại bò của phía nguyên đơn. Buộc bà Bùi Thị Chiềng và ông Quách Công Nông trả lại con bò cho Hợp tác xã xóm Kề, xã Mường Chiềng và ông Ngô Quốc Hùng

Không chấp nhận yêu cầu đòi công tìm kiếm bò do Hợp tác xã xóm Kề và ông Hùng đặt ra vì vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu;

Không xem xét công chăn dắt bò cho phía bị đơn vì vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Không chấp nhận khoản tiền thuê xe từ Đà Bắc đi Hà Nội giám định ADN

Các khoản chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm buộc bà Chiềng phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Ngô Quốc Hùng và ông Đinh Công Na- chủ nhiệm HTX xóm Kề về việc đòi lại tài sản là con bò, đã bị bà Bùi Thị Chiềng vào vườn nhà ông Hùng dắt về từ ngày 19/5/2017 đến nay. Căn cứ khoản 2 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc. Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật tranh chấp “ quyền đòi lại tài sản “ theo điều 166 và điều 170 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và trước khi mở phiên tòa, phía nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án xem xét các khoản chi phí tìm kiếm bò; Do các chứng cứ chứng minh việc tìm kiếm chưa đầy đủ, HĐXX đã quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 16 tháng 7 năm 2019 theo quy định của pháp luật để phía nguyên đơn thu thập bổ xung chứng cứ. Xét thấy yêu cầu của phía nguyên đơn đối với các chi phí tìm kiếm bò có liên quan chặt chẽ với quan hệ pháp luật kiện đòi tài sản, không vượt quá phạm vi khởi kiện. Do vậy cần thiết phải xem xét trong cùng một vụ án thì mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Ông Ngô Quốc Hùng và ông Đinh Công Na - đại diện cho HTX xóm Ké làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Chiềng và ông Nông phải trả lại con bò cho Hợp tác xã xóm Ké và yêu cầu bồi thường các khoản chi phí tìm kiếm từ khi mất bò và các chi phí trong quá trình khởi kiện. Cụ thể :

Gia đình ông Ngô Quốc Hùng phát hiện mất bò lúc 11h ngày 19/5/2017, gia đình đã có 04 người đi tìm .Tại phiên tòa ông Hùng yêu cầu thanh toán công chi phí theo quy định của pháp luật

Phía Hợp tác xã xóm Ké yêu cầu thanh toán :

1- Xã viên được cử đi tìm kiếm yêu cầu thanh toán 200.000 đồng /01 công/01 ngày:

Ngày 20/5/2017 cử 31 xã viên = 6.200.000 đồng

Ngày 21/5/2017 cử 37 xã viên = 7.400.000đồng

Ngày 22/5/2017 cử 44 xã viên= 8.800.000đồng

2- Tiền thuê thuyền , xe đi tìm kiếm:

- Ngày 20/5/2017 thuê thuyền của ông Đinh Đức Cảnh chở người từ xóm Ké đến Vạn Yên Sơn La . Đã thanh toán trả ông Cảnh 1.500.000đồng

-Ngày 20/5/2019 Thuê xe của ông Đinh Công Côn chở người từ xóm Ké đến xã Đồng Nghê. Đã thanh toán trả ông Côn 200.000 đồng.

-Ngày 21/5/2019 Thuê xe của ông Đinh Công Muôn chở người từ xóm Ké đến xóm Nhạp xã Đồng Ruộng. Đã thanh toán trả ông Muôn 250.000 đồng.

- Ngày 21/5/2015 thuê thuyền của ông Đinh Đức Cảnh chở người từ bến Ké xuống bến Hát. Đã thanh toán trả ông Cảnh 1.200.000đồng.

- Ngày 21/5/2017 thuê 04 xe của ông Quách Công Quyền chở 04 người từ xóm Ké đến xã Liên Hòa , Vân Hồ Sơn La . Đã thanh toán trả ông Quyền 800.000đồng.

-Ngày 21/5/2019 Thuê xe của ông Đinh Công Nhất chở người từ xóm Ké đến xã Tân Pheo. Đã thanh toán trả ông Nhất 250.000 đồng.

-Ngày 23/5/2019 Thuê xe ô tô của ông Nguyễn Xuân Tuyên chở người từ trung tâm xã Mường Chiềng lên xã Mường Tuổng nhận dạng bò . Đã thanh toán trả ông Tuyên 620.000 đồng.

3- tiền chi ăn uống:

-Ngày 20/5/2017 Mua thức ăn cho 31 người đi tìm bò. Đã thanh toán cho bà Quách thị Điều 620.000 đồng.

-Ngày 21/5/2017 Mua thức ăn cho 37 người đi tìm bò. Đã thanh toán cho bà Quách thị Điều 750.000 đồng.

-Ngày 22/5/2017 Mua thức ăn cho 44 người đi tìm bò. Đã thanh toán cho bà Quách thị Điều 880.000 đồng.

4- Tiền chi phí giám định ADN:

- Tiền thuê xe của ông Lương Văn An (Từ Mường Chiềng đến Hà Nội)= 3.800.000đồng

- Tiền phí giám định (có hóa đơn của phòng thí nghiệm) = 4.000.000 đồng

Tổng số : các khoản là 37.270.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng)

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Việc khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp điều 186,188, 189 BLTTDS., Trên cơ sở căn cứ kết quả giám định số 14/PTNTĐ-KHCN ngày 04/6/2019 v/v Kết quả giám định gen bò của phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ tế bào động vật -Viện chăn nuôi đã kết luận về đối tượng giám định kí hiệu M1 và M3 có quan hệ huyết thống mẹ con .

Hội đồng xét xử xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Nay cần buộc bà Bùi Thị Chiềng và ông Quách Công Nông trả lại con bò cho Hợp tác xã xóm Kế và ông Hùng.

Việc bà Bùi Thị Chiềng tự ý đến vườn nhà ông Hùng dắt bò về không ai biết nên gia đình ông Hùng phải đi tìm kiếm bò từ hồi 13 h ngày 19/5/2019 đến ngày 23/5/2019 sau khi nhận được tin báo từ ông Hùng, HTX xóm Kế đã cử xã viên tìm kiếm .Tại Phiên tòa, đại diện HTX yêu cầu bà Bùi Thị Chiềng trả toàn bộ chi phí cho việc tìm bò bằng tổng số tiền là 37.270.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).Ông Hùng yêu cầu trả công tìm kiếm theo quy định của pháp luật

Hội Đồng xét xử xét thấy:

1- Về chi phí giám định :Tổng chi phí giám định là 7.800.000 đồng phía nguyên đơn đã nộp là chi phí thực tế và cần thiết để xác định sự thật của vụ án. Chi phí thuê xe chở mẫu và lấy mẫu giám định từ Đà Bắc đến Trung Tâm xét nghiệm là cần thiết ; đồng thời việc thu phí giám định của đơn vị chuyên môn là thực tế. Nay căn cứ trên kết quả giám định, xác định yêu cầu của phía nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. vì vậy phía bị đơn sẽ phải hoàn trả toàn bộ chi phí giám định 7.800.000 cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 điều 161; khoản 1 điều 162 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

2- Tiền chi phí cho việc tìm kiếm bò phía nguyên đơn đặt ra , Hội đồng xét xử xét thấy Đối với các mục kê:

* Chi phí thuê thuyền , xe chở người tìm kiếm bò tại các địa bàn sau không được chấp nhận vì địa điểm từ Mường Chiềng tới các điểm như Sơn La , Bên Hát, xóm Nhạp là các địa điểm có khoảng cách xa, không liền địa giới với xã Mường Chiềng . Việc tìm kiếm ở các địa điểm đó không phù hợp với thực tế.Do đó yêu cầu chi phí cho việc tìm kiếm tại các điểm với tổng số tiền 3.550.000 đồng không được chấp nhận. Cụ thể:

- Ngày 20/5/2017 thuê thuyền của ông Đinh Đức Cảnh chở người từ xóm Kế đến Vạn Yên Sơn La . Đã thanh toán trả ông Cảnh 1.500.000đồng

-Ngày 21/5/2019 Thuê xe của ông Đinh Công Muôn chở người từ xóm Kế đến xóm Nhạp xã Đồng Ruộng. Đã thanh toán trả ông Muôn 250.000 đồng.

- Ngày 21/5/2015 thuê thuyền của ông Đinh Đức Cảnh chở người từ bên Kế xuống bên Hát. Đã thanh toán trả ông Cảnh 1.200.000đồng.

- Ngày 21/5/2017 thuê 04 xe của ông Quách Công Quyền chở 04 người từ xóm Kế đến xã Liên Hòa , Vân Hồ Sơn La . Đã thanh toán trả ông Quyền 800.000đồng.

* Việc chi phí đi lại tại các điểm sau với tổng số tiền là 1.070.000 đồng xem xét có hợp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận:

-Ngày 20/5/2019 Thuê xe của ông Đinh Công Côn chở người từ xóm Kế đến xã Đồng Nghê. Đã thanh toán trả ông Côn 200.000 đồng.

-Ngày 21/5/2019 Thuê xe của ông Đinh Công Nhất chở người từ xóm Kế đến xã Tân Pheo. Đã thanh toán trả ông Nhất 250.000 đồng.

-Ngày 23/5/2019 Thuê xe ô tô của ông Nguyễn Xuân Tuyên chở người từ trung tâm xã Mường Chiềng lên xã Mường Tuổng nhận dạng bò . Đã thanh toán trả ông Tuyên 620.000 đồng.

3- Xã viên được cử đi tìm kiếm yêu cầu thanh toán 200.000 đồng /01 công/01 ngày tính trong 03 ngày tổng số tiền yêu cầu thanh toán 22. 400 .000 đồng . Hội đồng xét xử không chấp nhận vì cử số lượng người quá lớn để tìm bò như vậy là không cần thiết. Do đó khoản tiền chi ăn uống cho số người đi tìm bò trong 03 ngày yêu cầu là 2.250.000 đồng cũng không được chấp nhận . Xét thấy sau khi con bò bị mất HTX cũng cần thiết phải cử xã viên phối hợp với gia đình anh Hùng để tìm kiếm. Do đó cũng cần xem xét tính công tìm kiếm và chi phí ăn uống trong một ngày đối với 01 người ở mức 200.000 đồng là phù hợp với thực tế ở địa phương và chấp nhận 05 người /01 ngày là phù hợp.Cụ thể 05 người /03 ngày/ 200.000 đồng = 3.000.000. đồng (ba triệu đồng)

4- Đối với yêu cầu của anh Hùng về việc 04 người trong gia đình triển khai tìm kiếm bò trong 1/2 ngày 19 /5/2017 đề nghị thanh toán theo quy định của pháp luật.Hội đồng xét xử chấp nhận 02 người /1/2 ngày và mức tiền công là 70.000 đồng/ 01 người . Tổng số tiền công được chấp nhận là 140.000 đồng.

Phía Hợp tác xã Xóm Kế đưa ra yêu cầu tổng chi phí các khoản là 37.270.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).Qua xem xét, HĐXX chấp nhận 11.870.000 đồng (mười một triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng). Số tiền không được chấp nhận là 25.400.000 đồng, Hợp tác xã xóm Kế sẽ phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật

Xét yêu cầu của phía bị đơn: bà Bùi thị Chiềng và ông Quách Công Nông tại phiên tòa vẫn đưa ra đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ dấu vết là con bò có vết sẹo ở dưới bộ phận sinh dục .Vết sẹo này chỉ có anh Nông , chị Chiềng biết được mà phía nguyên đơn không biết. Điều đó nhằm chứng minh anh Nông và chị Chiềng đã chăn nuôi con bò từ lúc nhỏ. Đồng thời đề nghị căn cứ vào kết quả thẩm định của tòa án, căn cứ vào số răng để xác định con bò đang tranh chấp là đã ở độ tuổi con bò của gia đình chị Chiềng và anh Nông là 06 tuổi chứ không phải bò 04 tuổi như của phía nguyên đơn yêu cầu.Chị Chiềng và anh Nông đều cho rằng: Sau khi được Tòa án thông báo kết quả giám định anh chị đã không nhất trí kết quả đó nên từ chối hòa giải mà đề nghị đưa vụ án ra xét xử. Nay tại phiên tòa anh Nông , chị Chiềng vẫn giữ nguyên quan điểm không công nhận kết quả giám định, không trả lại con bò.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết như thẩm định, có ý kiến cơ quan chuyên môn nhưng vẫn không thể xác định được tính chính xác của sự thật vụ án. Do vậy trên cơ sở yêu cầu của đương sự , việc giám định ADN phải tiến hành là cần thiết. Căn cứ vào kết quả giám định, việc

buộc bị đơn phải trả lại con bò tranh chấp cho phía nguyên đơn là hoàn toàn khách quan.

Xét việc chị Chiềng tự ý dắt bò từ nhà ông Hùng về và nhận là bò của mình, đó là việc chiếm giữ bất hợp pháp tài sản của người khác; nhưng xét trong quá trình giải quyết tranh chấp, bà Bùi Thị Chiềng và ông Quách Công Nông được chính quyền địa phương và Tòa án tạm giao cho việc quản lý tài sản tranh chấp. Hội đồng xét xử đã giải thích rõ trách nhiệm phía nguyên đơn phải trả một khoản tiền công chăn nuôi bò cho bà Chiềng và ông Nông là cần thiết, Mức tiền công dựa trên cơ sở giá trị thực tế của con bò tranh chấp và hoàn cảnh thực tế tại địa phương. Tuy nhiên tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã hỏi và giải thích cho anh Nông, chị Chiềng biết rõ và quyền lợi của mình nhưng phía bị đơn kiên quyết từ chối yêu cầu thanh toán công chăn dắt. Vì vậy HĐXX không có cơ sở xem xét.

[3]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35; điều 147,161;điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điều 166; 170 Bộ luật dân sự

- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Quốc Hùng và ông Đinh Công Na - đại diện Hợp tác xã xóm Ké, xã Mường Chiềng về quyền đòi lại tài sản là con bò

2-. Buộc bà Bùi Thị Chiềng và ông Quách Công Nông trả lại cho Hợp Tác xã xóm Ké, xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình và ông Ngô Quốc Hùng 01con bò đực có lông màu đen giống lai Sind, trên lưng có sọc lông màu vàng đỏ chạy từ bướu về sau(dài 47 cm); tai trái có vết cắt dọc 04 cm, mồm (ngon) tai có vết mòn; ; Dưới bộ phận sinh dục có sẹo lồi, đốm trắng; Sừng trái dài 16 cm có vết mòn phần nhọn, sừng phải dài 17 cm; Mồm có mép hai bên màu trắng; Răng: có 08 răng trưởng thành, đã bị gãy trong cùng phía trái 9 còn 07 răng) (*theo biên bản thẩm định ngày 23/4/2019*). Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Con bò có trị giá 21.000.000đ (Hai một triệu đồng)

Trường hợp bà Bùi thị Chiềng và ông Quách Công Nông nếu để xảy ra thiệt hại đối với con bò thì phải bồi thường cho phía nguyên đơn là Hợp tác xã xóm Ké và ông Ngô Quốc Hùng số tiền 21.000.000đ (Hai một triệu đồng)

3- Bà Bùi Thị Chiềng phải trả cho Hợp tác xã xóm Ké, xã Mường Chiềng số tiền là 11.870. 000 (mười một triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng). Cụ thể ;

- Chi phí cho việc giám định: 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

- Tiền ăn và công tìm kiếm bò trong 03 ngày,Cụ thể; 05 người /03 ngày/ 200.000 đồng = 3.000.000. đồng (ba triệu đồng)

- Tiền chi phí thuê phương tiện đi lại tìm kiếm bò với tổng số tiền là 1.070.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

4- Bà Bùi Thị Chiềng phải trả cho anh Ngô Quốc Hùng tiền công tìm kiếm bò là 140.000 đồng .(một trăm bốn mươi ngàn đồng)

5- Về án phí :

-Bà Bùi Thị Chiềng phải nộp 1.650. 000đ án phí dân sự sơ thẩm

- Hợp tác xã xóm kê phải nộp 1.270. 000đ án phí dân sự sơ thẩm

-Anh Ngô Quốc Hùng được hoàn lại 3.000.000đ theo biên lai số: 0001093 ngày 15/3/2019.Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đà Bắc.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày các bên đương sự có đơn yêu cầu thi hành án mà không thực hiện nghĩa vụ thi hành án về số tiền phải trả thì phải chịu lãi xuất, theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định tại thời điểm chậm thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày . Kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
ĐỒNG XÉT XỬ

-TAND tỉnh Hòa Bình.

- **chủ**
VKSND

-Chi

-Các

-UBND

-UBND Mường Chiềng.

-Lưu hồ sơ.

tọa
huyện
cục
đương

xã

phiên
Đà

Đồng

T/M HỘI

Thẩm phán

tòa

Bắc.

THADS.

sự.

Nghê.

HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Mông

Thi

Mông Thị Dung
Dung

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 15/2015/HNGĐ

Ngày 23/6/2015

(V/v chia tài sản chung sau ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà **Mông Thị Dung**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Phạm Thị Nga**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Bùi Thị Thảo**

- *Đại diện VKSND Thành phố Hoà Bình tham gia phiên toà:*

Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - KSV

Ngày 23 tháng 6 năm 2015, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hoà Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 233/2014/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2014 về việc Kiện chia tài sản chung sau ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2015/QĐST ngày 15 tháng 6 năm 2015 giữa:

Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phụng

HKTT: Tổ 05, phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Tạm trú: Số nhà 24, Ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, Phường Tân Hoà, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình

Bị đơn:* Anh **Phạm Mạnh Tân

HKTT: Tổ 05, phường Tân thịnh, Thành phố Hòa bình, tỉnh Hòa Bình

Tạm trú: Số nhà 24, Ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, Phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình

Các đương sự đều có mặt

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện thụ lý ngày 15 tháng 10 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 11/11/2014, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phụng trình bày: chị và anh Phạm Mạnh Tân đã ly hôn vào tháng 10/2013. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 143/2013 của TAND Thành phố Hòa Bình: chị Phụng, anh Tân thuận tình ly hôn, về con chung: chị Phụng nuôi cháu Phạm Thu Hằng sinh năm 2003, anh Tân nuôi cháu Phạm Đức Thịnh sinh năm 1999; về tài sản chung anh chị tự lập biên bản thỏa thuận chia tài sản ngày 22/10/2013, không đề nghị Toà án giải quyết. Sau đó, anh Tân không thực hiện theo thỏa thuận nên chị Phụng làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà số 24 trên diện tích đất 53,6m2 tại Tổ 08, phường Tân Hoà, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Phía bị đơn anh Phạm Mạnh Tân không nhất trí với yêu cầu của chị Phụng, cho rằng căn nhà đang tranh chấp là tài sản của riêng anh với lý do: căn nhà số 24 có nguồn gốc mua bằng tiền bán căn nhà số 06, Dãy D2, tiểu khu 11 phường Tân thịnh, TP Hòa bình, tỉnh Hòa Bình. Căn nhà này anh Tân được Tổng công ty Công trình Thủy điện Sông Đà cấp riêng. Khi mua nhà mới, vợ chồng có thêm 15.000.000đ để mua nhà, sửa chữa nhà 20.000.000đ, tổng hai khoản là 35.000.000đ. Anh Tân chỉ đồng ý chia tài sản tương ứng với số tiền trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các phiên hoà giải ngày 15/01/2015 và ngày 18/3/2015, chị Phụng, anh Tân không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Chị Phụng giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung, đề nghị định giá tài sản căn nhà. Anh Tân xác định căn nhà là tài sản riêng của anh, không yêu cầu định giá.

Ngày 15/4/2015, theo đơn yêu cầu của chị Phụng, Tòa án tiến hành lập Hội đồng định giá tài sản đối với căn nhà trên. Sau khi kiểm tra, đo đạc, xem xét, Hội đồng định giá tài sản kết luận: tại thời điểm định giá, căn nhà số 24, ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình gắn liền với diện tích đất 53,6m² có giá trị là 370.000.000đ (*ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*). Chị Phụng nhất trí với kết luận định giá, anh Tân xác định nhà đất là tài sản riêng, không có ý kiến gì về giá trị căn nhà.

Do hai bên đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án nên TAND Thành phố Hoà Bình phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Phụng, anh Tân vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về tài sản tranh chấp.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Chị Nguyễn Thị Phụng khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình

- Chị Phụng làm đơn khởi kiện theo đúng quy định tại điều 164 BLTTDS

- Toà án đã tiến hành thông báo thụ lý và triệu tập các đương sự đến trụ sở Toà án giải quyết vụ án hòa giải, xét xử theo quy định tại các điều 174, 183, 184, 185, 186, 199 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Toà án ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ; quyết định định giá tài sản; quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử; quyết định tạm đình chỉ để chờ kết quả cung cấp chứng cứ của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình theo đúng quy định của pháp luật.

** Về nội dung tranh chấp:*

Chị Nguyễn Thị Phụng yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà số 24, ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trên diện tích đất 53,6m². Phía anh Phạm Mạnh Tân giữ quan điểm không đồng ý chia, cho rằng căn nhà số 24 là tài sản của anh Tân.

HĐXX căn cứ lời khai của các đương sự và kết quả điều tra xác minh, thu thập chứng cứ xác định: Căn nhà số 24 ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, TP HB giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Mạnh Tân tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 29, cả hai bên đều thống nhất về khoản tiền mua căn nhà đang tranh chấp là do bán căn nhà số 06, phường Tân Thịnh, TP HB được 205.000.000đ và 35.000.000đ tiền chung của hai vợ chồng. Việc anh Tân cho rằng toàn bộ giá trị căn nhà đã bán là tài sản riêng là không có cơ sở vì: Ngày 20/10/1996 Tổng công ty xây dựng Thủy điện Sông Đà có quyết định số 3391/TCT/VP phân cho anh Tân sử dụng gian số 06, dãy D2, tiểu khu 11, phường Tân Thịnh, TP HB với diện tích ở là 16m². Năm 1998, chị Phượng anh Tân kết hôn và chung sống tại căn nhà đó. Năm 2003, thực hiện Quyết định số 853/TTg ngày 28/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn giảm tiền sử dụng đất đối với cán bộ công nhân viên tham gia xây dựng công trình Thủy điện Hòa Bình, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 534/QĐ-UB, ngày 21/4/2003 cùng tờ trình kèm theo ghi rõ hộ gia đình anh Tân phải nộp khoản tiền miễn giảm là 4.332.000đ với diện tích đất 88,60m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Năm 2010, anh chị Phượng Tân bán căn nhà số 06, phường Tân Thịnh cho bà Khuất Thị Sáng được 205.000.000đ và mua căn nhà số 24, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình của ông Bùi Thanh Tăng với số tiền 220.000.000đ

Tại phiên tòa, anh Tân thừa nhận khoản tiền nộp theo diện miễn giảm và số tiền 35.000.000đ thêm vào mua nhà, sửa chữa căn nhà 24 là tài sản chung có công sức đóng góp của chị Phượng. Do vậy, theo quy định tại điều 33 của Luật Hôn nhân gia đình cần xác định căn nhà số 24 tài sản chung của anh Tân chị Phượng trong thời kỳ hôn nhân. Nay chị Nguyễn Thị Phượng khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là có cơ sở, HĐXX cần chấp nhận.

Trên cơ sở xác định căn nhà đang tranh chấp là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ anh Tân, chị Phượng là vợ chồng, về nguyên tắc tài sản chung được chia đôi nhưng xét đến quá trình hình thành và phát triển của tài sản, xác định anh Tân đã được tổng Công ty xây dựng Thủy điện Sông Đà phân cho sử dụng gian nhà 16 m² trước khi kết hôn với chị Phượng và là đối tượng chính được xét miễn giảm tiền sử dụng đất. Do đó, khi phân chia, cần chia cho anh Tân phần giá trị tài sản lớn hơn so với phần chị Phượng được chia mới hợp lý.

Căn cứ vào hiện trạng nhà đất số 24 thể hiện trong biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 30/3/2015, biên bản định giá tài sản ngày 15/4/2015: Căn nhà số 24 có tổng diện tích 53,6m², phía trước mở cổng giáp đường bê tông ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, TP HB có cạnh chiều rộng là 3,15m; phía sau nhà xây khép kín giáp với đường bê tông ngõ 11, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, có chiều rộng 3,29m; chiều dài: cạnh bên phải giáp nhà số 26 của gia đình anh chị Tuấn Hưng dài 16,76m, cạnh bên trái giáp nhà số 22 của gia đình chị Vân dài 16,50m; (chiều dài, chiều rộng tương ứng với thông số trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Cả hai bên đương sự đều không nhất trí chia bằng tiền mà kiên quyết yêu cầu chia hiện vật (nhà, đất). Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích việc chia tài sản là hiện vật sẽ có trở ngại trong việc các bên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

sau này vì diện tích chia ra nhỏ hơn so với diện tích đất tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh Hòa bình nhưng nguyên đơn, bị đơn đều nêu khó khăn không có chỗ ở nào khác, nếu phải rời đi thì không có khả năng về kinh tế, thu nhập không có, (hiện anh Tân đang chờ sổ hưu còn chị Phụng không có việc làm) nên không có khả năng tạo lập chỗ ở mới. Chị Phụng nêu rõ quan điểm nếu diện tích được chia tuy nhỏ chị cũng nhất trí để ổn định chỗ ở cho ba mẹ con, còn sau này bên nào có điều kiện tạo lập chỗ ở mới sẽ nhượng lại phần của mình cho bên kia. Còn anh Tân kiên quyết không rời căn nhà và cho biết cũng không có khả năng thanh toán tiền chênh lệch cho chị Phụng. Vì vậy, đảm bảo cuộc sống ổn định cho các bên, HĐXX cần phân chia như sau: Anh Tân được quyền sử dụng đối với phần diện tích nhà, đất do công trường Sông Đà xây dựng trước gồm tầng I, tầng II; có chiều dài 9,6m tính từ mép đường ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh đến bờ tường nhà công trường Sông Đà xây dựng trước có chiều rộng phía trước 3,15m (hiện đang sử dụng cầu thang gỗ lên tầng II) được đánh giá bằng 60% tổng giá trị nhà đất bằng tiền là 222.000.000đ (*Hai trăm hai hai triệu đồng chẵn*). Chị Phụng được quyền sử dụng đối với phần diện tích nhà, đất phía sau tính từ mép đường ngõ 11, đường Tuệ Tĩnh đến bờ tường nhà công trường Sông Đà xây trước có chiều dài 7,7m, có chiều rộng phía sau 3,29m được đánh giá bằng 40% tổng giá trị nhà đất bằng tiền là 148.000.000đ (*một trăm bốn tám triệu đồng chẵn*). Chị Phụng có trách nhiệm tự xây cửa thông ra đường ngõ 11 và xây tường ngăn đối với phần diện tích nhà đất được chia.

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, anh Tân, chị Phụng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phụng về việc Kiện chia tài sản chung sau ly hôn đối với anh Phạm Mạnh Tân:

Xác định căn nhà số 24, Ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trên diện tích đất 53,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 487834 do UBND Thành phố Hòa Bình cấp ngày 30/11/2011 là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Phụng, anh Phạm Mạnh Tân.

Xử: Anh Phạm Mạnh Tân được quyền sử dụng đối với phần diện tích nhà, đất tính từ mép đường ngõ 09, đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa bình, tỉnh Hòa bình đến bờ tường nhà công trường Sông Đà xây trước có chiều dài 9,6m, có chiều rộng phía trước 3,15m trị giá 222.000.000đ (*Hai trăm hai hai triệu đồng chẵn*) (có tầng I, tầng II; hiện đang sử dụng cầu thang gỗ lên tầng II)

Chị Nguyễn Thị Phụng được quyền sử dụng phần diện tích nhà, đất tính từ mép đường ngõ 11 đường Tuệ Tĩnh, Tổ 08, phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến bờ tường nhà công trường Sông Đà xây trước có chiều dài 7,7m, có chiều rộng phía sau 3,29m trị giá 148.000.000đ (*Một trăm bốn tám triệu đồng chẵn*).

Phần diện tích nhà, đất được chia của hai bên có mốc giới là bờ tường nhà công trường sông Đà xây trước (Tường sau tầng I đã cất chỉ còn phần bờ nhô ra, thẳng lên là tường sau tầng II).

Chị Phượng có trách nhiệm tự xây cửa thông ra ngõ 11 và xây tường ngăn đối với phần diện tích nhà, đất được chia.

2- Về án phí: Anh Tân phải nộp 11.100.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phượng phải nộp 7.400.000đ, đã nộp 10.000.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 06955 ngày 15/10/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ và được hoàn lại 2.600.000đ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 28/2014/HNGĐ

Ngày 24/12/2014

(V/v xin ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà **Mông Thị Dung**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Phạm Thị Nga**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Bùi Thị Thảo**

- *Đại diện VKSND Thành phố Hoà Bình tham gia phiên toà;*

Bà **Nguyễn Thị Mơ**. KSV

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hoà Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2014/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2014 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2014/QĐST ngày 12/11/2014 giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Ngoan**- sinh năm 1983

HKTT: Xóm Hạ Sơn, xã Thống Nhất, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình (có mặt)

*Bị đơn: Anh **Nguyễn Danh Đồng**- sinh 1975

HKTT: Xóm Hạ Sơn, xã Thống Nhất, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình

Đang bị cưỡng chế cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh- giáo dục- Lao động xã hội số IV; xã Yên bài, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NHẬN THẤY

Theo đơn ly hôn thụ lý ngày 05 tháng 8 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 20/8/2014, nguyên đơn chị Triệu Thị Ngoan trình bày:

Chị Ngoan và anh Nguyễn Danh Đồng kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thống Nhất, Thị xã Hoà Bình (nay là Thành phố Hoà Bình). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đồng sử dụng ma túy, không quan tâm, chăm lo đến gia đình, vợ con. Chị Ngoan và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Đồng không thay đổi. Năm 2013, chị Ngoan đã nộp đơn xin ly hôn, anh Đồng hứa sẽ sửa chữa nên chị rút đơn, đoàn tụ gia đình. Năm 2014, anh Đồng bị cưỡng chế cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh- giáo dục- Lao động xã hội số IV; xã Yên bài, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Nay chị Ngoan xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Đồng được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Phía bị đơn anh Đồng do đang phải cai nghiện nên TAND Thành phố Hoà Bình đã ra quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ số 82/2014 cho TAND huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội lấy lời khai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2014, anh Đồng thừa nhận việc anh nghiện ma túy, đã được chị Ngoan có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Anh không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ gia đình, nếu chị Ngoan cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đồng không nhận thông báo thụ lý của Tòa án, từ chối ký vào biên bản lấy lời khai mà không trình bày lý do, TAND huyện Ba Vì đã lập biên bản có xác nhận của Trung tâm chữa bệnh- giáo dục- Lao động xã hội số IV; xã Yên bài, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Danh Điệp sinh năm 2002; Nguyễn Thị Thanh Nhân sinh năm 2006. Chị Ngoan và anh Đồng cùng có ý kiến để cho các con tự lựa chọn việc ở với bố hay với mẹ.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

Do vụ án không hoà giải được nên TAND Thành phố Hoà Bình đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngoan vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, về con chung.

Anh Đồng đang cai nghiện ma túy tại Trung tâm chữa bệnh- giáo dục- Lao động xã hội số IV; xã Yên bài, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội không có mặt tại phiên tòa, anh Đồng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

* *Về thủ tục tố tụng:* Chị Triệu Thị Ngoan và anh Nguyễn Danh Đồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thống Nhất, Thị xã Hoà Bình (nay là Thành phố Hoà Bình) là hôn nhân hợp pháp. Xác định vụ án xin ly hôn của chị Ngoan thuộc trường hợp giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bị đơn là anh Nguyễn Danh Đồng không có mặt tại Tòa án. Căn cứ vào các điều 85, 93, 146, 152 BLTTDS, Tòa án đã ra quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Đồng; tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đồng.

- Anh Đồng đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ nhất, nay vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. HĐXX căn cứ điều 199 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt anh Đồng.

* *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngoan: Nguyên nhân chị Ngoan đưa ra: vợ chồng mâu thuẫn là do anh Đồng sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con, hiện tại đang bị cưỡng chế cai nghiện. Phía anh Đồng cũng thừa nhận có nghiện ma túy, chị Ngoan đã khuyên can nhiều lần và tạo điều kiện cho anh cai nghiện nhưng anh không thay đổi, anh Đồng mong muốn đoàn tụ gia đình. Trường hợp chị Ngoan kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh Đồng và chị Ngoan đã mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Năm 2013, chị Ngoan nộp

đơn ly hôn lần đầu, sau đó đã rút đơn tạo điều kiện cho anh Đồng khắc phục, sửa chữa nhưng anh Đồng vẫn tái nghiện. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Ngoan là có cơ sở, cần căn cứ các điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận xử cho chị Ngoan được ly hôn anh Đồng.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Danh Điệp sinh năm 2002; Nguyễn Thị Thanh Nhân sinh năm 2006.

Cả hai bên đều đề cho các con tự lựa chọn ở với bố hay với mẹ. Xét hiện tại bản thân anh Đồng đang cai nghiện không thể trực tiếp nuôi con; còn chị Ngoan có điều kiện lao động, có thu nhập. Chính vì vậy, HĐXX căn cứ vào điều 92 Luật Hôn nhân & gia đình cần thiết phải giao cháu Điệp và cháu Nhân cho chị Ngoan trực tiếp nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên xác định không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, chị Ngoan phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 89, 91, 92, 94, Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Ngoan về việc xin ly hôn anh Nguyễn Danh Đồng

Xử: Cho chị Triệu Thị Ngoan được ly hôn anh Nguyễn Danh Đồng

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Danh Điệp sinh năm năm 2002; cháu Nguyễn Thị Thanh Nhân năm 2006 cho chị Ngoan trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên không đặt ra. Anh Đồng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3- Về án phí: Chị Ngoan phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai số 06849 ngày 05/8/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 24/2014/HNGĐ

Ngày 30/10/ 2014

(V/v chị Hà Thị Kim Sao

Xin ly hôn anh Nguyễn Đức Thọ)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:** Bà **Mông Thị Dung**

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Phạm Thị Nga**

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Thảo**

- **Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:**

Bà **Đặng Thị Phương Thảo** - KSV

Ngày 30 tháng 10 năm 2014, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2014/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2014 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2014/QĐST ngày 16 tháng 10 năm 2014 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Hà Thị Kim Sao**- sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT: Xóm Bún, xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

***Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đức Thọ**- sinh 1981 (có mặt)

HKTT: Xóm Bún, xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

NHÂN THẤY

Theo đơn ly hôn thụ lý ngày 22 tháng 8 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 15/9/2014, nguyên đơn Hà Thị Kim Sao trình bày: chị và anh Nguyễn Đức Thọ kết hôn ngày 10/01/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng bố mẹ chồng tại Xóm Bún, xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, sau khi chị Sao sinh con hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Ngày 04/8/2014, anh Thọ có lời nói xúc phạm và đuổi chị Sao nên chị Sao đã bỏ về nhà ngoại 02 ngày, đến ngày thứ 3 chị Sao được ông Hà Văn Thu (bố đẻ) đưa về nhà anh Thọ. Chị Sao xin phép gia đình chồng cho con về bên ngoại chơi, bố mẹ chồng và anh Thọ không đồng ý dẫn đến việc tranh giành con. Anh Thọ đánh chị Sao và mang dao ra dọa nếu bé con đi thì giết nên chị Sao để lại con sợ không dám về nữa. Nay chị Sao xác định không tiếp tục chung sống với anh Thọ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Trong bản tự khai ngày 15/9/2014, anh Thọ thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với nhau. Ngày 04/8/2014, vợ chồng có xô xát chị Sao bỏ nhà đi để lại con nhỏ gần 03 tháng tuổi phải nhịn sữa mẹ, anh Thọ làm đơn báo chính quyền can

thiếp, ngày 07/8/2014 chị Sao mới về cho con bú. Anh Thọ muốn chị Sao về cùng anh xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dưỡng con cái nhưng chị Sao lại không đồng ý đòi bế con đi, anh Thọ không kìm chế nổi bản thân đã tát vào mặt chị Sao 04 cái. Ngày 16/8/2014, chính quyền xóm tiến hành hoà giải giữa hai bên nhưng không thành. Từ đó đến nay, anh Thọ phải nuôi con bằng sữa ngoài. Quan điểm của anh Thọ luôn mong muốn con có bố mẹ, anh cũng đã khắc phục tình cảm vợ chồng bằng cách làm đơn xin hoà giải nhưng nay chị Sao kiên quyết xin ly hôn, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại phiên hoà giải ngày 15/9/2014 và ngày 01/10/2014, chị Sao, anh Thọ thuận tình ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đăng sinh ngày 06/5/2014, hai bên không thoả thuận được việc nuôi con và đều có nguyện vọng nhận nuôi con chung, không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con..

Về tài sản chung, về công nợ chung: Không có

Do vụ án không hoà giải được nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Sao, anh Thọ vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, về con chung;

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng*: Chị Sao làm đơn theo đúng hình thức và nội dung đơn khởi kiện quy định tại điều 164 BLTTDS.

- Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa hai bên đương sự theo quy định tại các điều 180,183, 184, 185 BLTTDS

* *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: chị Sao, anh Thọ kết hôn ngày 05/4/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Mông, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại Xóm Bún, xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình. Cả hai bên đều xác định vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Chính quyền địa phương đã tiến hành hoà giải, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng hai bên xác định ly hôn. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được, việc thuận tình ly hôn giữa chị Sao và anh Thọ hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều 89, Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên HĐXX cần chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung: Nguyễn Hải Đăng sinh ngày 06/5/2014; hiện đang ở cùng gia đình anh Thọ. Hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của anh Thọ về việc nuôi con: Anh Thọ xuất trình giấy tờ gồm: đơn xin xác nhận công tác tại Công ty TNHH Anh Bảo- Thành phố Hoà Bình với mức lương 4.000.000đ/tháng để chứng minh có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con; đơn về việc chị Sao bỏ con, đơn đề nghị được nuôi con có xác nhận của chính quyền địa phương nhằm chứng minh chị Sao không có điều kiện, không đủ tư cách để nuôi con.

Tòa án đã tiến hành xác minh để làm rõ nguyên nhân chị Sao bỏ nhà ra đi: Trưởng xóm và chi hội trưởng hội phụ nữ xóm Bún, xã Yên Mông, Thành phố Hoà Bình cho biết: Anh Thọ tính tình nóng nảy, có việc xô xát giữa chị Sao với

anh Thọ và gia đình chồng can thiệp không cho mang con đi. Chính quyền địa phương có xác nhận cho đơn của anh Thọ việc chị Sao bỏ đi 04 ngày, gia đình anh phải nuôi cháu Hải Đăng bằng sữa bộ, không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Ông Nguyễn Văn Quyền, bà Hoàng Thị Kim là bố mẹ anh Thọ cho biết mâu thuẫn vợ chồng Sao Thọ phát sinh từ việc cả hai bên nội ngoại đều muốn làm đầy tháng cho cháu. Do tính tình Thọ nóng nảy, ngày chị Sao trở về xin phép bế con theo, Thọ không đồng ý có mang dao ra dọa giết.

Tại phiên toà hôm nay cũng đã xác định rõ khi xảy ra mâu thuẫn, chị Sao ra khỏi nhà anh Thọ đã 02 lần quay lại để đem con nhỏ đi theo nhưng đều bị anh Thọ và gia đình chồng tranh giành, ngăn cản quyết liệt. Chị Sao và gia đình có báo chính quyền địa phương nhưng phía chính quyền địa phương cũng chỉ giúp đỡ tác động hoà giải khuyên hai bên đoàn tụ để tiếp tục nuôi con chứ không có can thiệp được việc giao con đang bú cho mẹ nuôi. Vì vậy, chị Sao phải làm đơn ra toà để thực hiện quyền lợi của mình.

Qua đó, không đủ căn cứ chứng minh chị Sao từ bỏ con nhỏ như anh Thọ trình bày, đồng thời xét hoàn cảnh thực tế hiện nay anh Thọ còn có một con riêng 03 tuổi ở với vợ trước, anh Thọ có thoả thuận với vợ cũ khi con đi học sẽ chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX cần thiết giao con cho chị Sao nuôi để đảm bảo nguyên tắc con dưới 03 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Sao không yêu cầu anh Thọ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009, chị Sao phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 89; 91,92,94 Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Kim Sao và anh Nguyễn Đức Thọ

2- Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Hải Đăng sinh ngày 06/5/2014.

Xử: Giao cháu Nguyễn Hải Đăng cho chị Sao trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Sao không yêu cầu anh Thọ cấp dưỡng nuôi con. Anh Thọ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3- Về án phí: Chị Sao phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền số 06884 ngày 22/8/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
phúc
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh

-----***-----

Bản án số: 22/2014/HNGĐ

Ngày 29/9/2014

(V/v chị Nguyễn Vĩnh Hạnh yêu cầu
thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con
đối với anh Nguyễn Thành Tâm Minh)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà **Mông Thị Dung**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Dũng**
Bà **Phạm Thị Nga**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Thị Thảo**

- Đại diện VKSND Thành phố Hoà Bình tham gia phiên toà:

Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - KSV

Ngày 29 tháng 9 năm 2014, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hoà Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2014/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2014 về việc Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2014/QĐST ngày 18 tháng 9 năm 2014 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Vĩnh Hạnh**

Địa chỉ: Số nhà 209- Tổ 04, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình

***Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thành Tâm Minh**

Địa chỉ: Số nhà 50- Tổ 08, Phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình

Các đương sự đều có mặt

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện thụ lý ngày 20 tháng 5 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 11/6/2014, nguyên đơn chị Nguyễn Vĩnh Hạnh trình bày: chị và anh Nguyễn Thành Tâm Minh đã ly hôn vào tháng 01/2007. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 06/2007, ngày 23 tháng 01 năm 2007 của TAND Thành phố Hoà Bình: chị Hạnh, anh Minh thuận tình ly hôn; chị Hạnh nhận nuôi con chung là Nguyễn Hạnh Minh Anh sinh năm 2005, anh Minh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng đối với con chung. Do hiện nay giá cả thị trường có nhiều biến động, phải chi phí nhiều cho học hành sinh hoạt của con.

Vì vậy, chị Hạnh yêu cầu anh Minh tăng mức cấp dưỡng nuôi con từ 500.000đ/tháng lên mức 2.000.000đ/tháng.

Phía bị đơn anh Nguyễn Thành Tâm Minh nhất trí việc tăng mức cấp dưỡng nhưng có đề nghị với Tòa án tính toán, quyết định mức cấp dưỡng cho hợp lý với thu nhập và hoàn cảnh hiện tại. Anh Minh cho rằng lương của anh nay là 5.853.000đ/tháng nhưng anh đã lập gia đình mới, vợ anh chưa có công ăn việc làm; 02 con còn nhỏ nên đối với mức lương chính, anh cũng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Ngoài lương không có thu nhập khác nên anh chỉ có khả năng đóng góp với chị Hạnh 500.000đ/tháng để nuôi cháu Nguyễn Hạnh Minh Anh.

Tại phiên hoà giải ngày 03/7/2014, chị Hạnh, anh Minh không thoả thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con. Chị Hạnh yêu cầu tăng số tiền cấp dưỡng nuôi con từ 500.000đ/tháng lên mức tối thiểu là 1.150.000.000đ/tháng; anh Minh không chấp nhận vẫn giữ mức cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ/tháng.

Do hai bên đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án nên TAND Thành phố Hoà Bình phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Hạnh, anh Minh vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 06/2007, ngày 23 tháng 01 năm 2007 của TAND Thành phố Hòa Bình quyết định anh Minh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ/tháng. Từ thời điểm đó đến nay đã có nhiều biến động về giá cả thị trường, Nhà nước cũng đã điều chỉnh mức lương tối thiểu hiện nay là 1.150.000đ/tháng, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Nguyễn Vĩnh Hạnh đề nghị anh Minh tăng cấp dưỡng nuôi con là hợp lý. Xét số tiền chị Hạnh yêu cầu từ 500.000đ/tháng lên 1.150.000đ/tháng. HĐXX căn cứ theo bảng lương tháng 12/2013 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hoà Bình thì hiện tại anh Minh được lĩnh theo hệ số lương 4,32; phụ cấp khu vực: 0,1 thành tiền: 5.853.000 thì lương anh Minh đã tăng. Phía chính quyền địa phương cũng đã cung cấp thông tin hoàn cảnh thực tế của anh Minh hiện nay đang có 02 con nhỏ, vợ không có việc làm ổn định. Do đó, cũng cần để anh đảm bảo cho cuộc sống và sinh hoạt của anh Minh nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Hạnh tăng cấp dưỡng nuôi con chung ở mức 1.150.000đ/tháng.

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, anh Minh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 50,53,56;92 Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Vĩnh Hạnh về việc Thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Thành Tâm Minh:

Xử: Anh Nguyễn Thành Tâm Minh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.150.000đ/ tháng đến khi con trưởng thành.

2- Về án phí: Anh Minh phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hạnh đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 01654 ngày 20/5/2014 của THADS Thành phố Hòa Bình nay được hoàn lại tiền tạm ứng trên.
Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
phúc
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh

-----***-----

Bản án số: 25/2014/HNGĐ

Ngày 30/10/2014

(V/v yêu cầu thay đổi mức
cấp dưỡng nuôi con chung)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà **Mông Thị Dung**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Phạm Thị Nga**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Thị Thảo**

- Đại diện VKSND Thành phố Hoà Bình tham gia phiên toà:

Bà **Đặng Thị Phương Thảo**- KSV

Ngày 30 tháng 10 năm 2014, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hoà Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2014/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2014 về việc Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2014/QĐST ngày 18 tháng 9 năm 2014 giữa:

*Nguyên đơn: Anh **Ngô Phong**

Địa chỉ: Số nhà 15- Tổ 03, Đường Bùi Thị Xuân, Phường Hữu Nghị, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình (có mặt)

*Bị đơn: Chị **Đào Thị Thuý Mai**

Địa chỉ: Ngõ 12, đường Tuệ Tĩnh, Chợ Vò, Tổ 08, Phường Tân Hoà, Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình (vắng mặt có lý do)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện thụ lý ngày 14 tháng 4 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 09/5/2014, nguyên đơn anh Ngô Phong trình bày: anh và chị Đào Thị Thuý Mai đã ly hôn năm 2005. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2005, ngày 05 tháng 4 năm 2005 của TAND Thành phố Hòa Bình: anh Phong, chị Mai thuận tình ly hôn; chị Mai nhận nuôi con chung là Ngô Quỳnh Anh sinh năm 2001, anh Phong có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 300.000đ/tháng đối với con chung. Ngày 22/12/2011, chị Mai khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Bản án số 03/2014, ngày 16/01/2014, TAND Thành phố Hoà Bình đã xét xử buộc anh Phong phải đóng góp là 1.200.000đ/tháng. Nay anh Phong khởi kiện yêu cầu giảm mức cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh Phong đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con như trên không phù hợp với mức lương thu nhập hiện tại của anh 5.000.000đ/tháng vì hiện nay anh đang công tác xa nhà, còn nuôi mẹ già

đang đau ốm, anh đã lập gia đình mới chưa có con nhưng vợ anh đang đi học, chưa có công ăn việc làm. Anh Phong không chấp nhận mức 1.200.000đ/tháng đề nghị Toà án xem xét giảm xuống 700.000đ đến 800.000đ/tháng.

Phía bị đơn chị Đào Thị Thuý Mai không đến Toà. Chị Mai gửi bản tự khai nêu rõ lý do không đến Toà là công việc của chị rất bận, còn đang nuôi con nhỏ. Chị Mai có ý kiến không chấp nhận yêu cầu của anh Phong, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho cháu Ngô Quỳnh Anh.

Ngày 15/8/2014, Toà án đã tiến hành mở phiên hoà giải, anh Phong có mặt nhưng chị Mai vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Do vụ án không tiến hành hoà giải được nên TAND Thành phố Hoà Bình phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên toà hôm nay, anh Phong giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung; chị Mai vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào 202 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt chị Mai

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Anh Phong làm đơn theo đúng hình thức và nội dung đơn khởi kiện quy định tại điều 164 BLTTDS.

- Toà án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa hai bên đương sự nhưng chị Mai vắng mặt nên việc hoà giải không thành.

- Toà án đã triệu tập nhiều lần, phía bị đơn vắng mặt. Ngày 14/4/2014, Toà án đã ra quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Tại biên bản giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 18/9/2014, chị Mai đề nghị xử vắng mặt. Tại phiên toà ngày 29/9/2014, do chị Mai vắng mặt, Toà án đã ra quyết định hoãn phiên toà. Phiên toà hôm nay, chị Đào Thị Thuý Mai vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào điều 202 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt chị Mai.

* Về nội dung:

Xét yêu cầu của anh Phong đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.200.000đ đã quyết định trong bản án số 03 ngày 16/01/2014 của TAND Thành phố Hoà Bình xuống 700.000đ. Lý do anh Phong đưa ra là theo quyết định của Toà án hiện nay anh đã nộp thi hành án số tiền 1.200.000đ cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra anh còn cho con tiền học thêm, tiền đóng bảo hiểm tự nguyện khoảng 500.000đ/tháng, khoản tiền này chị Mai không biết. Anh còn đang phải nuôi mẹ già đau ốm, vợ anh đang đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào bảng lương tháng 8/2014 của Chi nhánh lưới điện cao thế Hoà Bình- Công ty lưới điện cao thế Miền Bắc, mức lương anh Phong được hưởng là 6.590.508đ/tháng. Mức đóng góp 1.200.000đ/tháng theo quyết định của Toà án, còn khoản tiền anh khai cho thêm con hàng tháng không có căn cứ xem xét. Đối với hoàn cảnh thực tế do chính quyền địa phương cung cấp: hiện nay anh Phong đã có vợ nhưng chưa có con, vợ anh có đi làm; vợ chồng anh ở cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Minh, bà có lương hưu hơn 3.000.000đ/tháng; thời gian vừa qua bà đau ốm phải đi bệnh viện nhưng nay đã

đỡ và đi lại được. Như vậy, mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000đ là hoàn toàn hợp lý, yêu cầu xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của anh Phong đề nghị giảm xuống mức 700.000đ/tháng hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận. HĐXX cần bác yêu cầu của anh Phong.

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, anh Phong phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 50,53,56;92 Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Bác yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Phong về việc Thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Đào Thị Thuý Mai

2- Về án phí: Anh Phong phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 01618 ngày 11/4/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 20/2014/HNGĐ

Ngày 29/8/ 2014

(V/v chị Đinh Thị Ánh Huyền

Xin ly hôn anh Trần Văn Toàn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Mông Thị Dung**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Sang**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thảo**

- Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Mơ** - KSV

Ngày 29 tháng 8 năm 2014, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72 /2014/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 04 năm 2014 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25 /2014/QĐST ngày 21 tháng 8 năm 2014 giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Ánh Huyền**- sinh năm 1985 (có mặt)

HKTT: Tổ 2A, phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở: Số nhà 16, Tổ 07, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

*Bị đơn: Anh **Trần Văn Toàn** - sinh 1971 (vắng mặt)

HKTT: Số nhà 01, Ngách 6/101, đường Lê Thảng Tông, Tổ 2A, phường Tân thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

NHẬN THẤY

Theo đơn ly hôn thụ lý ngày 14 tháng 4 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 07/5/2014, nguyên đơn Đinh Thị Ánh Huyền trình bày: chị và anh Trần Văn Toàn chung sống năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, Hà nội năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại Tổ 2A, phường Tân thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Toàn không có công ăn việc làm ổn định, không đảm bảo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu say, đánh vợ. Ngày 13/6/2010, chị Huyền đã ra khỏi nhà anh Toàn, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị Huyền xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Toàn được nữa nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Trong bản tự khai ngày 07/8/2014, anh Toàn thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không hợp nhau. Tháng 5/2013, chị Huyền bỏ nhà đi. Nay chị Huyền xin ly hôn, anh nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2014, anh Toàn cho biết có nhận được giấy báo của Tòa án mấy lần nhưng vì chị Huyền tự làm đơn xin ly hôn nên anh không đến mà để cho chị Huyền tự giải quyết việc ly hôn. Quan điểm của anh là đồng ý ly hôn và nêu lý do bận công việc đề nghị Tòa án cứ tiến hành hoà giải, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Ánh Dương sinh năm 2005. cả chị Huyền, anh Toàn đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Không có

Do vụ án không hoà giải được nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Huyền vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, về con chung. Anh Toàn vắng mặt không có lý do;

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Chị Huyền làm đơn theo đúng hình thức và nội dung đơn khởi kiện quy định tại điều 164 BLTTDS.

- Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa hai bên đương sự theo quy định tại các điều 180, 183, 184, 185 BLTTDS nhưng anh Toàn vắng mặt nên việc hoà giải không thành.

- Tòa án đã triệu tập nhiều lần, phía bị đơn vắng mặt. Ngày 14/8/2014, Tòa án đã ra quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2014 và tại biên bản giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 21/8/2014, anh Toàn đều đề nghị giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay anh Toàn vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ vào điều 202 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt anh Toàn.

* Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Huyền, anh Toàn kết hôn năm 2009, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại tổ 2A, phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình nhưng cả hai bên đều xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, không hợp nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2010. Nay chị Huyền xin ly hôn, anh Toàn đồng ý, HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được, việc thuận tình ly hôn giữa chị Huyền và anh Toàn hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều 89, Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung: Trần Ánh Dương sinh năm 2005; hiện đang ở cùng anh Toàn. Hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2014, cháu Dương cho biết cháu có nguyện vọng ở cùng bố. Đến ngày 17/8/2014, cháu Dương có đơn đề nghị được ở với mẹ.

HĐXX căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của hai bên: phía chị Huyền hiện nay là công nhân tại công ty Ban đai, thu nhập 5.000.000đ/tháng còn anh Toàn hiện là công nhân nhà máy xi măng Sông Đà, đang phải nuôi một con riêng là cháu Trần Văn Long, 17 tuổi, vì vậy HĐXX thấy cần thiết phải giao

cháu Trần Ánh Dương cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, và phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Huyền không yêu cầu nên HĐXX không đề cập.

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, chị Huyền phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 89; 90,92,94 Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị Ánh Huyền và anh Trần Văn Toàn.

2- Về con chung: có 01 con chung Trần Ánh Dương sinh năm 2005; Giao cháu Dương cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huyền không yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con. Anh Toàn có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3- Về án phí: Chị Huyền phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền số 01616 ngày 14/4/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 09 /2014/HNGĐ

Ngày 28/4/2014

(V/v anh Nguyễn Viết Tuế xin ly hôn
chị Hoàng Thị Thanh Huyền)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Mông Thị Dung**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Huy Tập**
Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thảo**

- Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông **Hoàng Mạnh Cường**. KSV

Ngày 28 tháng 04 năm 2014, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2014/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2014 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2014/QĐST ngày 16/4/2014 giữa:

*Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Viết Tuế**- sinh năm 1977

HKTT: Tổ 06, phường Thịnh Lang, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

*Bị đơn: Chị **Hoàng Thị Thanh Huyền** - sinh 1981

HKTT: Tổ 06, phường Thịnh Lang, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Các đương sự đều có mặt

NHẬN THẤY

Theo đơn ly hôn thụ lý ngày 17 tháng 02 năm 2014 và trong bản tự khai ngày 09/8/2011, nguyên đơn anh Nguyễn Viết Tuế trình bày: anh và chị Hoàng Thị Thanh Huyền kết hôn năm 2006. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại ký túc xã trường Cao đẳng nghề sông Đà tại tổ 06, phường Thịnh Lang, Thành phố Hòa Bình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lần đầu vào ngày 01/10/2007, anh Tuế, chị Huyền đã làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận việc ly hôn, sau khi Tòa tiến hành hòa giải anh chị đã rút yêu cầu ly hôn. Ngày 13/11/2008, anh Tuế đón mẹ con chị Huyền về nhà. Tuy nhiên, cuộc sống gia đình vẫn không hạnh phúc, chị Huyền không chăm lo cho anh Tuế trong sinh hoạt gia đình. Ngày 30/7/2013, chị Huyền chuyển hết đồ đạc và đưa hai con vào xã Thống Nhất ở cho đến nay. Anh Tuế xác định không thể tiếp tục chung sống với chị Huyền được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Phía chị Huyền thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng do quan điểm không hòa hợp dẫn tới cuộc sống không hạnh phúc. Chị đã chuyển ra ở riêng, nay anh Tuế xin ly hôn, chị Huyền đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Hoàng Diệu Linh sinh năm 2007, Nguyễn Viết Trường Giang sinh ngày 14/6/2012. Chị Huyền có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Tuế cấp dưỡng nuôi con. Phía anh Tuế có nguyện vọng nhận nuôi cháu Linh và để cho chị Huyền nuôi cháu Giang.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có

Tại biên bản hoà giải ngày 05/3/2014, anh Tuế, chị Huyền thuận tình ly hôn. Về con chung: chị Huyền giữ nguyên yêu cầu nhận nuôi hai con, còn anh Tuế nhận nuôi cháu Linh vì muốn cháu vui vẻ, thoải mái.

Do đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Tuế, chị Huyền vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, về con chung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: anh Tuế, chị Huyền kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống với nhau tại ký túc xá trường Cao đẳng Nghề Sông Đà - tổ 06, phường Thịnh Lang, Thành phố Hòa Bình nhưng cả hai bên đều xác định luôn xảy ra bất đồng quan điểm, không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay hai bên thống nhất ly hôn, HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, việc thuận tình ly hôn giữa anh Tuế và chị Huyền hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với điều 89, Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Hoàng Diệu Linh sinh năm 2007, Nguyễn Viết Trường Giang sinh ngày 14/6/2012.

Phía chị Huyền có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, chị Huyền cho rằng anh Tuế không có đủ tư cách nuôi con vì trong cuộc sống anh Tuế không quan tâm đến vợ con. Chị muốn nhận nuôi cả hai con vì chị không muốn các con xa nhau, chị có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Tuế cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tuế có nguyện vọng nuôi cháu Linh. Anh Tuế cũng đưa ra lý do là hiện nay tuy cháu Linh ở với mẹ nhưng chị Huyền luôn cấm đoán không cho con được vui chơi với bạn bè xung quanh nên cháu luôn tỏ ra buồn bã. Anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con, trong thực tế anh đảm bảo đủ điều kiện để cho con có cuộc sống vui vẻ, thoải mái.

HĐXX xét: Đối với hai cháu: Nguyễn Hoàng Diệu Linh sinh năm 2007; Nguyễn Viết Trường Giang sinh ngày 14/6/2012. Phía chị Huyền có nguyện vọng nuôi cả hai con nhưng theo quy định của pháp luật và căn cứ vào điều kiện thực tế của hai bên, công việc của chị Huyền là nhân viên Thư viện tỉnh Hòa

Bình, mức thu nhập từ lương là 3.000.000đ thì việc giao cả hai con chung cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho cuộc sống và sinh hoạt của hai cháu. Chị Huyền đưa ra các vấn đề về tư chất đạo đức, phong cách sinh hoạt của anh Tuế như ham chơi cờ bạc, nhận tiền của học sinh bị nhà trường kỷ luật để chứng minh lý do chị không thể để anh Tuế trực tiếp nuôi con nhưng những vấn đề đó không thuộc lĩnh vực pháp luật hạn chế quyền nuôi con. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại trường Cao đẳng Nghề Sông Đà là nơi anh Tuế công tác cũng là nơi cư trú của anh Tuế, chị Huyền khi còn sống chung: Điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh Tuế hiện nay là giảng viên Khoa điện, mức lương thu nhập ổn định có hệ số là 3,33. Do vậy để đảm bảo cho cháu Linh có cuộc sống trước mắt ổn định và đảm bảo tốt việc học hành và cũng để anh Tuế thực hiện trách nhiệm với con cái nên HĐXX thấy cần thiết phải giao cháu Linh cho anh Tuế trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Giang cho chị Huyền nuôi dưỡng là hợp lý.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, anh Tuế phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 89; 90,92,94 Luật Hôn nhân & gia đình; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Viết Tuế và chị Hoàng Thị Thanh Huyền.

2- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Hoàng Diệu Linh sinh năm 2007; Nguyễn Viết Trường Giang sinh ngày 14/6/2012.

Xử: Giao cho anh Tuế trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh; chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên không đặt ra. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

2- Về án phí: Anh Nguyễn Viết Tuế phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền số 01545 ngày 17/02/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
Hạnh phúc
TỈNH HOÀ BÌNH**

2014

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mông Thị Dung***

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ

Độc lập - Tự do -

Hoà Bình, ngày 29 tháng 8 năm

- *Hội thẩm nhân dân:*

Căn cứ điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Ngày 29/8/2014, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Kiện ly hôn giữa nguyên đơn Đinh Thị Ánh Huyền và bị đơn Trần Văn Toàn

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của người tham gia tố tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và thống nhất xử như sau:

Căn cứ vào các điều 89, 90, 92, 94 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000; Pháp lệnh về án phí lệ phí Toà án năm 2009;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị ánh Huyền đối với anh Trần Văn Toàn về việc ly hôn: Xử cho chị Đinh Thị Ánh Huyền được ly hôn anh Trần Văn Toàn.

2- Về con chung: Có 01 con chung Trần Ánh Dương sinh năm 2005. Giao cháu Dương cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huyền không yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con. Anh Toàn có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

2- Về án phí: Chị Huyền phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai số 01616 ngày 14/4/2014 của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản được lập xong thông qua cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên toà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
Hạnh phúc
TỈNH HOÀ BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ

Độc lập - Tự do -

Hoà Bình, ngày 28 tháng 4 năm

2014

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Mông Thị Dung***

- *Hội thẩm nhân dân:*

Căn cứ điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Ngày 28/4/2014, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Kiện ly hôn giữa nguyên đơn Lê Thị Thanh Xuân và bị đơn Đặng Thanh Liêm

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của người tham gia tố tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và thống nhất xử như sau:

Căn cứ vào các điều 89,90, 92, 94 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000; Pháp lệnh về án phí lệ phí Toà án năm 2009;

1- Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Viết Tuế và chị Hoàng Thị Thanh Huyền.

2- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hoàng Diệu Linh sinh năm 2007; Nguyễn Viết Trường Giang sinh ngày 14/6/20012.

Xử: Giao cho anh Nguyễn Viết Tuế trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh; chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên không đặt ra. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

2- Về án phí: Anh Tuế phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai số ngày của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản được lập xong thông qua cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên toà

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
phúc
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập – Tự do – Hạnh

-----***-----

Bản án số: 10/2014/HNGĐ
Ngày 28/4/2014
(V/v bà Lê Thị Thanh Xuân xin
ly hôn ông Đặng Thanh Liêm)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Mông Thị Dung**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Dũng**
Ông **Lê Huy Tập**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thảo**
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông **Hoàng Mạnh Cường**. KSV

Ngày 28 tháng 4 năm 2014, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 249/2013/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2013 về việc Kiện ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09 /2014/QĐST ngày 16/4/2014 giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thanh Xuân** - sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 749, tổ 06, phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (có mặt)

*Bị đơn: Anh **Đặng Thanh Liêm** - sinh 1957

Địa chỉ: Số nhà 17, Tổ 10, phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn ly hôn thụ lý ngày 10 tháng 12 năm 2013 và trong bản tự khai, nguyên đơn Lê Thị Thanh Xuân trình bày: chị và anh Đặng Thanh Liêm kết hôn ngày 21/3/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống hạnh phúc. Đến năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, cuộc sống chung không có sự đồng cảm, chia sẻ. Anh Liêm sống không có trách nhiệm với gia đình, do ham chơi bởi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Ngày 05/12/2013, chị Xuân đã đưa con về bên nhà ngoại ở cho đến nay. Chị Xuân xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Liêm được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Phía bị đơn anh Đặng Thanh Liêm thừa nhận khoảng thời gian gần đây, vợ chồng có nảy sinh bất hòa do anh Liêm thiếu quan tâm đến vợ con, mãi chơi, vay mượn tiền của một số người nhưng nay anh đã thay đổi cách sống, trả xong

nợ nần. Nguyên vọng của anh là không muốn ly hôn. Anh đề nghị Tòa án cho một thời gian để khắc phục tình cảm tình cảm vợ chồng bằng cách quan tâm, chăm sóc và làm mọi việc để đón vợ con về đoàn tụ.

Chị Xuân không nhất trí và kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung: Đặng Đức Minh sinh năm 2005, hiện đang ở với chị Xuân. Cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa hai bên. Tại các phiên hòa giải ngày 31/12/2013, ngày 24/01/2014, chị Xuân giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh Liêm không đồng ý ly hôn và có ý kiến Tòa xử như thế nào thì sẽ chấp hành.

Về con chung, hai bên thỏa thuận để cho chị Xuân trực tiếp nuôi con chung.

Do hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án nên TAND Thành phố Hoà Bình phải đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Xuân, anh Liêm vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, về con chung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Chị Xuân làm đơn theo đúng hình thức và nội dung đơn khởi kiện quy định tại điều 164 BLTTDS.

- Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa hai bên đương sự theo quy định tại các điều 180,183, 184, 185 BLTTDS

* Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Xuân và anh Liêm là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân chị Xuân xin ly hôn là do vợ chồng phát sinh nhiều bất hòa vì từ khi mới kết hôn anh Liêm đã không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời cờ bạc, nợ nần. Chị Xuân đã sống ly thân với anh Liêm từ ngày 05/12/2013 và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Liêm được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Phía anh Liêm xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh Liêm, chị Xuân có biện pháp khắc phục đoàn tụ gia đình. Phía anh Liêm cũng đã tiến hành nhiều biện pháp như đến trực tiếp xin lỗi, viết thư cho chị Xuân và bố mẹ vợ nhưng chị Xuân vẫn kiên quyết xin ly hôn. Kết quả điều tra xác minh xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Liêm thường xuyên chơi bời cờ bạc; ít quan tâm đến gia đình. Trước sự kiên quyết xin ly hôn của chị Xuân, anh Liêm đã làm nhiều biện pháp nhưng không thể thuyết phục được chị Xuân. Tại phiên toà hôm nay, anh Liêm vẫn đề nghị kéo dài thời gian để khắc phục tình cảm vợ chồng nhưng chị Xuân đề nghị HĐXX giải quyết dứt điểm không muốn kéo dài.

HĐXX xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị Xuân và anh Liêm không còn khả năng khắc phục, tình cảm không thể hàn gắn được, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Xuân, căn cứ theo điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xử cho chị Xuân được ly hôn với anh Liêm.

- Về con chung: Có 01 con chung: Đặng Đức Minh sinh năm 2005; hai bên thỏa thuận để chị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng con chung, HĐXX cần chấp nhận sự thỏa thuận về con chung của anh Liêm chị Xuân, giao cháu Minh cho chị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ. Chị Xuân không yêu cầu anh Liêm cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: không có

Về án phí: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, chị Xuân phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điều 89,91,92 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh Xuân về việc ly hôn:

Xử: cho chị Lê Thị Thanh Xuân được ly hôn anh Đặng Thanh Liêm

2- Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Thanh Xuân và anh Đặng Thành Liêm về con chung:

- Có 01 con chung Đặng Đức Minh sinh năm 2005 Hai bên thỏa thuận để cho chị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Xuân không yêu cầu anh Liêm cấp dưỡng nuôi con. Anh Liêm có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3- Về án phí: Chị Xuân phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai số 02999 ngày 10/12/2013 của THADS Thành phố Hoà Bình nay được khấu trừ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa